**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

***Tuần 5: Từ ngày 7/10/2024 đến ngày 11/10/2024***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ** | **Ngày** | **Môn** | **Số tiết chương trình** | **Tên bài dạy** |
| **Hai** | **Sáng**  **7/10** | **HĐTN** | 13 | SHDC: Viết thư cho tương lai |
| **Tiếng Việt** | 29 | **Chia sẻ và bài đọc 1:** *Cau* (tiết 1) |
| **Tiếng Việt** | 30 | **Chia sẻ và bài đọc 1:** *Cau* (tiết 2) |
| **Toán** | 21 | Yến, tạ, tấn |
| **Chiều** | **Tin** |  |  |
| **Công nghệ** |  |  |
| **Âm nhạc** |  |  |
| **Ba** | **Sáng**  **8/10** | **Tiếng Việt** | 31 | **Bài viết 1:** Tả cây cối |
| **Toán** | 22 | Yến, tạ, tấn (tt) |
| **Khoa học** | 9 | Bài 5: Sự chuyển động của không khí |
| **Đạo đức** | 5 | Bài 3: Em nhận biết sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn |
| **Chiều** | **Anh văn** |  |  |
| **Anh văn** |  |  |
| **Tư** | **Sáng**  **9/10** | **Tiếng Việt** | 32 | **Nói và nghe:** Kể chuyện: Chiếc ví |
| **Toán** | 23 | Giây |
| **GDTC** | 9 | Động tác đi đều một hàng dọc vòng bên trái |
| **HĐTN** | 14 | Niềm tự hào của em |
| **Khoa học** | 10 | Bài 5: Sự chuyển động của không khí (tt) |
| **Năm** | **Sáng**  **10/10** | **Tiếng Việt** | 33 | **Bài đọc 2:** *Một người chính trực* |
| **Toán** | 24 | Thế kỉ |
| **Anh văn** |  |  |
| **Anh văn** |  |  |
| **Chiều** | **Tiếng Việt** | 34 | **Luyện từ và câu:** Nhân hoá |
| **LS&ĐL** | 9 | Bài 3: Thiên nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (tt) |
| **GDTC** | 10 | Ôn tập động tác đi đều một hàng dọc vòng bên trái |
| **Mĩ thuật** |  |  |
| **Sáu** | **Sáng**  **11/10** | **Tiếng Việt** | 35 | **Bài viết 2:** Luyện tập tả cây cối |
| **Toán** | 25 | Bài toán liên quan đến rút về đơn vị |
| **LS&ĐL** | 10 | Bài 3: Thiên nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (tt) |
| **HĐTN** | 15 | SHL: Trò chơi chuyến xe kì thú |

**Ngày dạy: 7/10/2024**

**Tiết: 29, 30**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐỀ: MĂNG NON**

**BÀI 3: NHƯ MĂNG MỌC THẲNG**

**BÀI ĐỌC 1: CAU**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết cùng các bạn có thảo luận nhóm.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: thể hiện được cách đọc diễn cảm theo cách hiểu và cảm nhận của mình.

1. **Năng lực đặc thù**

* Năng lực ngôn ngữ:
* Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ học sinh dễ viết sai.
* Ngắt nghỉ hơi đúng ngữ pháp, ngữ nghĩa. Tốc độ đọc 75 - 80 tiếng/phút.
* Đọc thầm nhanh hơn ở lớp 3.
* Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài.
* Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài thơ: Miêu tả hình dáng, lợi ích của cây cau, thông qua đó ngụ ý ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của con người.
* Năng lực văn học:
* Bày tỏ sự yêu thích với những từ ngữ hay, hình ảnh đẹp.

1. **Phẩm chất**

* Nhân ái: yêu thương mọi người, quan tâm chăm sóc và bảo vệ cây cối quanh em.
* Trung thực: Trung thực trong các hoạt động học tập.

\* GD LTCM: GD HS thật thà, ngay thẳng trong học tập.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: bài giảng powerpoint, phiếu bài tập.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 10’ | **1. Khởi động - chia sẻ:**  ***Trò chơi “Giải ô chữ”***   * *Hướng dẫn HS giải ô chữ*   - Gọi 1 HS nêu yêu cầu trò chơi  - GV chiếu lên bảng ô chữ. Hướng dẫn HS cùng làm mẫu dòng 1:  + Gọi 1 HS đọc to gợi ý  + GV gọi 1 HS phát biểu  + GV chiếu từ THẬT vào ô trống. GV lưu ý HS mỗi ô ghi một chữ cái in hoa, điền dấu thanh vào chữ có dấu thanh.  - GV nhắc lại các bước làm bài tập: Đọc gợi ý -> Phán đoán từ ngữ -> Ghi từ ngữ vào ô trống theo hàng ngang ( Mỗi ô ghi một chữ cái in hoa), số chữ phải khớp với các ô-> Sau khi điền hết các từ vào các hàng ngang, đọc từ mới xuất hiện ở cột dọc in màu xanh.   * *HS thảo luận, giải ô chữ*   - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôivào vở bài tập, phát cho HS 2 phiếu khổ to.  - GV gọi đại diện 2 nhóm lên trình bày kết quả  - GV gọi HS nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV hỏi :  + Nội dung các câu tục ngữ, thành ngữ nói về điều gì?  + Em hiểu trung thực là như thế nào?  - GV nhận xét, tuyên dương.  ***Tìm thêm các từ có chứa tiếng Trung***  - GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “ Truyền điện” ( tìm các từ có chứa tiếng trung)  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV giới thiệu chủ điểm “Như măng mọc thẳng”, GV giới thiệu bài đọc 1: Cau. | - HS nêu yêu cầu.  - HS lắng nghe.  + 1 HS đọc gợi ý: Nói ..... không sợ mất lòng.  + 1 HS phát biểu từ còn thiếu : THẬT  + HS quan sát.  - HS lắng nghe.  - HS thảo luận theo nhóm đôi.  - Đại diên nhóm lên trình bày kết quả:  + Các từ, tiếng ở hàng ngang: *Thật, rách, ruột, măng, giữ, thật, thẳng, dự, cây*  + Từ mới xuất hiện ở cột dọc: *Trung thực.*  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe.  - HS trả lời:  + Sự trung thực, thẳng thắn.  + HS trả lời theo suy nghĩ của mình.  - HS lắng nghe.  - HS tham gia trò chơi: *trung thành, trung hiếu, trung kiên, trung dũng trung nghĩa,....*  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe. |
| 40’ | **2. Hoạt động hình thành kiến thức**   * ***Hoạt động 1: Đọc thành tiếng***   - GV đọc mẫu toàn bài: giọng đọc vui tươi, nhẹ nhàng.  - Hướng dẫn HS cách đọc toàn bài.  - GV chia khổ: 5 khổ  + Khổ 1: bốn dòng thơ đầu  + Khổ 2: bốn dòng thơ tiếp theo  + Khổ 3: bốn dòng thơ tiếp theo  + Khổ 4: bốn dòng theo tiếp theo  + Khổ 5: còn lại  - GV gọi 5 HS đọc nối tiếp 5 khổ  *-* Luyện đọc theo khổ: GV tổ chức cho HS luyện đọc nối tiếp khổ theo nhóm đôi.  - GV gọi 2 – 3 nhóm thi đọc trước lớp  - GV nhận xét các nhóm.  - Yêu cầu HS đọc và giải nghĩa từ ngữ ở phần chú giải trong SGK *( khiêm nhường, bạc thếch, ra ràng).*  *-* GV hướng dẫn HS tra từ điển để hiểu nghĩa một số từ.  - 1 HS năng khiếu đọc toàn bài.   * ***Hoạt động 2: Đọc hiểu***   - GV gọi HS đọc nối tiếp lần lượt 5 câu hỏi trong SGK.  *-*GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.  \* GV theo dõi, hỗ trợ HS gặp khó khăn và lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  - GV cho HS trả lời các câu hỏi bằng bình thức trò chơi phỏng vấn:  - GV tổ chức cho HS thực hiện trò chơi phỏng vấn:  Câu 1: *Tìm các khổ thơ ứng với mỗi ý sau: a. Tả hình dáng cây cau;*  *b. Nêu ích lợi của cây cau;*  *c. Thể hiện tình cảm của tác giả với cây cau.*  + Câu 2: *Những từ ngữ nào tả hình dáng cây cau gợi cho bạn liên tưởng đến con người?*  Câu 3: *Những từ ngữ, hình ảnh nào miêu tả cây cau như một con người giàu tình thương yêu, sẵn sàng giúp đỡ người khác?*  *Câu 4: Qua hình ảnh cây cau, tác giả bài thơ muốn nói lên điều gì?*  *Câu 5: Bạn học được điều gì ở bài thơ này về cách tả cây cối?*  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận.  - GV hỏi thêm: *Qua bài đọc, em hiểu nội dung bài thơ nói về điều gì?*  - GV nhận xét, chốt nội dung chính và giáo dục HS cần phải thật thà, ngay thẳng trong học tập, kiểm tra và trong cuộc sống.  - GV gọi 2 – 3 HS nhắc lại nội dung bài. | - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo.  - HS lắng nghe cách đọc.  - HS theo dõi.  - HS đọc nối tiếp theo khổ kết hợp phát hiện và luyện đọc từ khó (Chẳng hạn: *bạc thếch, ra ràng, …*)  - HS luyện đọc theo nhóm đôi.  - 2 - 3 nhóm thi đọc trước lớp. Cả lớp theo dõi, nhận xét bạn đọc.  - Hỏi đáp phần chú giải trong SGK theo cặp đôi. Phát hiện và giải nghĩa thêm 1 số từ khác (nếu có).  - HS thực hiện tra từ điển.    - 5 HS đọc tiếp nối 5 câu hỏi, các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.  - HS theo dõi.  - HS tham gia trò chơi:  *\* Dự kiến kết quả chia sẻ:*  Câu 1:  *a. Khổ thơ 1, 2*  *b. Khổ thơ 3, 4*  *c. Khổ thơ 5*  *Câu 2: “Dáng khiêm nhường, mảnh khảnh. Da bạc thếch tháng ngày”; “Thân bền khinh bão tố”.*  Câu 3: *“Mà tấm lòng thơm thảo/ Đỏ môi ngoại nhai trầu/ Thương yêu đàn em lắm/ Cho cưỡi ngựa tàu cau/ Nơi cho mây dừng nghỉ/ Để đi bốn phương trời/ Nơi chim về ấp trứng/ Nở những bài ca vui”.*  Câu 4: *Qua hình ảnh cây cau, tác giả ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của con người như: khiêm nhường, dũng cảm, thẳng thắn, giàu lòng thương yêu, sẵn sàng giúp đỡ người khác.*  *Câu 5: Tôi học được cách nhà thơ miêu tả hình dáng, phẩm chất và ích lợi của cây cau bằng các từ ngữ miêu tả con người.*  - HS nói theo suy nghĩ cá nhân: *Miêu tả hình dáng, ích lợi của cây cau. Thông qua đó, mượn hình ảnh cây cay ngụ ý ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của con người.*  - HS lắng nghe, thực hiện.  - 2- 3 HS nhắc lại nội dung bài. |
| 15’ | **3. Hoạt động luyện tập: Đọc nâng cao**  - GV tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm đôi.  - GV tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm trước lớp.  - GV nhận xét HS đọc bài, tuyên dương, khích lệ HS. | - HS luyện đọc đọc theo nhóm đôi.  - HS thi đọc diễn cảm trước lớp.  - HS nhận xét bạn đọc và bình chọn bạn đọc tốt nhất. |
| 5’ | **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - Qua bài đọc, em học được điều gì?  - GV nhắc nhở HS:  + Học thuộc lòng bài thơ.  + Về nhà tự đọc sách báo như đã hướng dẫn trong SGK.  + Chuẩn bị bài viết 1 *Tả cây cối* SGK tr.35. | - HS chia sẻ.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm để thực hiện. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………………….

**Tiết: 21**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TOÁN**

**YẾN, TẠ, TẤN**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận với bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

1. **Năng lực đặc thù**

* Nhận biết được các đơn vị đo khối lượng: yến, tạ, tấn.
* Mối quan hệ giữa các đơn vị yến, tạ, tấn và với đơn vị ki-lô-gam.
* Biết chuyển đổi và tính toán với các đơn vị đo khối lượng đã học (trong những trường hợp đơn giản).
* Thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.
* Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đo khối lượng.
* Phát triển các năng lực toán học: Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học.

1. **Phẩm chất**

* Chăm chỉ: có tinh thần tự học; chịu khó đọc SGK và thực hiện nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: thẻ ghi các đơn vị đo khối lượng đã học, cân đồng hồ trên 10kg, 1 túi gạo 10kg.
* Học sinh: tìm hiểu trước ở nhà thông tin về cân nặng của một số vật có khối lượng lớn (VD: cân nặng của một chiếc xe máy, cân nặng của một con bò...)

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 5’ | **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ghép thẻ”.  - Cách chơi: Ghép các đồ vật có khối lượng thích hợp với nó. Thực hiện trong nhóm đôi.  - Mời 1HS lên điều khiển lớp chia sẻ.  - GV nhận xét trò chơi.  - Cho HS lên bảng thực hành cân túi gạo 10kg và một số đồ vật có trong lớp.  - Cho HS xem clip Lương Thế Vinh cân voi.  \* Giới thiệu bài: Các em đã học đơn vị đo khối lượng là ki-lô-gam (kg) ở lớp 2. Để xác định cân nặng của các vật nặng hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn ki-lô-gam, người ta còn dùng các đơn vị đo khối lượng: yến, tạ, tấn. Trong tiết toán hôm nay, các em sẽ học về ba đơn vị đo khối lượng này qua bài: Tấn, tạ, yến.  - GV ghi bảng. | - HS ghép nhóm đôi, chọn và nói cho nhau nghe kết quả phù hợp.  + Xe ô tô - 1000kg  + Xe máy - 100kg  + Xe đạp - 10kg  - Các nhóm chia sẻ, nhận xét.  - HS lắng nghe.  - 2 - 3 HS thực hiện, đọc cho các bạn nghe kết quả mình đã cân được.  - HS xem  - HS viết vào vở. |
| 10’ | **2. Hoạt động hình thành kiến thức**  - Yêu cầu HS mở SGK/35, làm việc nhóm 2: Quan sát tranh và đọc cho nhau nghe thông tin trong sách.  - GV trình chiếu tranh trong SGK, yêu cầu vài HS đọc trước lớp.  - Hãy kể tên các vật sử dụng đơn vị đo khối lượng là yến, tạ, tấn mà em biết. Thực hiện theo nhóm 4.  - Yêu cầu HS kể trước lớp.  - Yêu cầu HS viết vào bảng con: 3 tạ, 10 tấn, 25 yến,...  - Yêu cầu HS đọc và nhận xét bảng con của một số HS.  - Cho lớp chơi trò chơi “gọi tên” trả lời các câu hỏi về các đơn vị đo khối lượng yến, tạ, tấn.  - GV nhận xét trò chơi.  + Trong các đơn vị đo khối lượng: tấn, tạ, yến, kg, đơn vị đo nào lớn nhất, đơn vị đo nào nhỏ nhất?  + Em có nhận xét gì vế các đơn vị đo khối lượng theo thứ tự từ lớn đến bé: Tấn, tạ yến, kg.  \* GV chốt: Em đã biết những đơn vị đo khối lượng nào?  Yến, tạ, tấn là đơn vị đo khối lượng. Người ta dùng để cân các vật nặng hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn kg.  *Để giúp các em ước lượng được khối lượng của một số vật, mối quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng yến, tạ,tấn. Áp dụng đơn vị đo cuộc sống như thế nào. Chúng ta cùng đến với phần: Thực hành luyện tập.* | - HS làm việc nhóm 2: đọc 10 kg là 1 yến, 100 kg là 1 tạ, 1 000 kg là 1 tấn.  - HS đọc: Để đo khối lượng các vật nặng hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn ki-lô-gam, người ta còn dùng các đơn vị: yến, tạ, tấn.   |  |  | | --- | --- | | 1 yến = 10 kg  1 tạ = 100 kg  1 tấn = 1 000 kg | 1 tạ = 10 yến  1 tấn = 10 tạ |   - Nhóm 4 chia sẻ: Con chó nặng 1 yến, con heo nặng 1 tạ, con bò nặng 3 tạ, ô tô nặng 2 tấn,...  - Nhiều HS kể.  - Cả lớp viết bảng con.  - HS đọc và nhận xét (bạn viết đúng/sai).  - 1 HS điều khiển, cả lớp cùng chơi.   |  |  | | --- | --- | | 1 yến =... kg  10 kg =... yến  1 tạ = ... yến  10 yến =... tạ  1 tấn =... tạ  10 tạ=... tấn | 1 tạ =... kg  100 kg =... tạ  1 tấn =... kg  1 000 kg =...tấn |   - HS lắng nghe.  - Đơn vị tấn lớn nhất, kg nhỏ nhất.  - Hai đơn vị đứng liền nhau hơn kém nhau 10 lần.  - Tấn, tạ, yến, kg.  - HS lắng nghe. |
| 17’ | **3. Hoạt động luyện tập, thực hành**   * **Bài 1:**   - Gọi HS đọc đề bài 1.  + Bài 1 yêu cầu làm gì?  - Yêu cầu HS làm cá nhân – nhóm 2 – Chia sẻ trước lớp bằng trò chơi: Ai nhanh hơn.  - GV mời 2 đội lên chơi trò chơi “Ai nhanh hơn”.  - GV chia lớp thành 2 đội. Mỗi đội chọn 4 bạn lên ghép thẻ cân nặng tương ứng với con vật. Đội nào ghép nhanh và đúng là chiến thắng.  - GV nhận xét kết quả, tuyên dương.  \*GV chốt: Bài tập 1 giúp em biết điều gì?  *Để giúp các em hiểu rõ hơn về mối quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng yến, tạ, tấn, các phép tính có kèm đơn vị đo là yến, tạ tấn, chúng ta cùng làm bài tập 2.*   * **Bài 2:**   - Bài 2a yêu cầu em làm gì?  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân – nhóm 2 – chia sẻ trước lớp.  - GV tổ chức trò chơi “Truyền điện”.  - Yêu cầu HS điều khiển hỏi bạn cách làm bài trước lớp.  - GV nhận xét, tuyên dương.  \* GV chốt: Em dựa vào kiến thức nào đã học để làm bài 2a?  *Các phép tính có kèm theo đơn vị đo khối lượng sẽ được thực hiện như thế nào. Các em làm bài 2b.*  - Yêu cầu HS đọc bài 2b.  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở BTT - Trao đổi nhóm 2 - 1 HS làm bảng phụ chia sẻ trước lớp.  - GV quan sát, theo dõi giúp đỡ HS, chấm vở 1 số HS.  - GV nhận xét, tuyên dương.  \* GV chốt: Khi thực hiện các phép tính có kèm theo đơn vị đo khối lượng, em cần lưu ý điều gì?  *Như vậy là các em đã biết chuyển đổi các số đo có một đơn vị đo khối lượng. Vậy còn những số đo có hai đơn vị đo khối lượng thì em sẽ đổi như thế nào? Chúng ta cùng qua bài 3.*   * **Bài 3:**   - Gọi HS đọc bài 3.  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở BTT - Trao đổi nhóm 2 - 1 HS làm bảng phụ chia sẻ trước lớp.  - Yêu cầu HS chia sẻ ý a trước lớp.  + Em có nhận xét gì về các đơn vị đo khối lượng: tấn, tạ, yến, kg?  - GV yêu cầu HS chia sẻ ý b trước lớp.  - Yêu cầu HS nêu cách làm.  \* GV chốt: Bài tập 3 giúp em biết thêm điều gì?  Như vậy là các em đã biết dựa vào mối quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng và các phép tính có kèm đơn vị đo khối lượng để thực hiện bài tập 3.  - GV nhận xét tuyên dương.  *Các phép tính kèm theo đơn vị đo khối lượng được áp dụng vào cuộc sống như thế nào?* | - HS đọc đề.  - HS trả lời.  - HS suy nghĩ làm cá nhân.  - N2 nói cho nhau nghe, sửa sai cho nhau, báo cáo giáo viên nếu không thống nhất được đáp án.  (Con mèo: 2kg; con chó: 1 yến; con hươu: 9 tạ; con voi: 5 tấn)  - Mỗi đội chọn ra 4 bạn  - HS chơi trò chơi.  ● Con mèo cân nặng 2 kg  ● Con chó cân nặng 1 yến.  ● Con voi cân nặng 5 tấn.  ● Con hươu cao cổ cân nặng 9 tạ.  - HS lắng nghe.  - Em biết ước lượng khối lượng của các con vật.  - Điền số thích hợp.  - HS làm bài cá nhân vào vở BTT  - nhóm 2: đổi vở, đọc cho nhau nghe kết quả, sửa sai cho nhau nếu có, nêu cách làm.  1 yến = 10 kg 1 tấn = 10 tạ  2 tạ = 20 kg 1 tấn = 100 yến  8 yến = 80 kg 20 yến = 2 tạ  5 tấn = 5 000 kg 30 tạ = 3 tấn  40 kg = 4 yến 600 kg = 6 tạ  7 000 kg = 7 tấn 100 tạ = 10 tấn  - 1 HS điều khiển cả lớp chơi trò chơi.  + Bạn đã làm 2 tạ = 200 kg như thế nào?  -> Ta có 1 tạ = 100 kg.  Vậy 2 tạ = 100 x 2 = 200 kg  + Vì sao 5 tạ = 5000 kg?  -> Ta có 1 tấn = 1 000 kg  Vậy 5 tấn = 1 000 x 5 = 5 000 kg  + Vì sao 20 yến = 2 tạ?  -> Ta có 10 yến = 1 tạ  Vậy 20 yến = 20 : 10 = 2 tạ  + 7000 kg = 7 tấn. Bạn đã làm thế nào?  -> Ta có 7 000 kg = 1 000 kg x 7 = 1 tấn x 7 = 7 tấn  Hoặc ta có 1 000 kg = 1 tấn.  Vậy 7 000 kg = 7 000 : 1 000 = 7 tấn.  - HS lắng nghe.  - Dựa vào mối quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng tấn, tạ, yến, kg.  - 1 HS đọc.  - HS làm bài cá nhân.  - Nhóm 2 đọc và sửa sai cho nhau.  - 1 HS làm bảng phụ chia sẻ bài trước lớp, mời các bạn nhận xét.  - HS lắng nghe, sửa bài.  - Thực hiện tính vào vở nháp, viết đơn vị đo khối lượng vào kết quả.  - HS đọc.  - HS làm bài cá nhân.  - Nhóm 2 đổi vở đọc cho nhau nghe, giải thích cách làm, sửa sai nếu có.  - HS chia sẻ ý a:  + Tấn: 1 tấn = 1 000 tạ  + Tạ: 1 tạ = 10 yến = 100 kg  + Yến: 1 yến = 10 kg  - Hai đơn vị đứng liền nhau hơn kém nhau 10 lần.  - HS chia sẻ ý b:  + 1 yến 8 kg = 18 kg  4 tạ 2 kg = 402 kg  1 tấn 25 kg = 1025 kg  7 tấn 450 kg = 7450 kg  - HS nêu cách làm:  + 1 yến 8 kg = 10kg + 8 kg = 18kg  + 4 tạ 2kg = 400 kg + 2kg = 402kg  + 1 tấn 25kg = 1000 kg + 25kg = 1025 kg  + 7 tấn 450kg = 7000 kg + 450 kg = 7450 kg  - Đổi 2 đơn vị đo khối lượng thành 1 đơn vị đo khối lượng. |
| 3’ | **4. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  - GV nhận xét tiết học.  - GV dặn dò HS chuẩn bị bài sau. | - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Ngày dạy: 8/10/2024**

**Tiết: 31**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐỀ: MĂNG NON**

**BÀI 3: NHƯ MĂNG MỌC THẲNG**

**BÀI VIẾT 1: TẢ CÂY CỐI**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: đọc và trả lời câu hỏi về nội dung, cấu tạo của bài văn tả cây cối; nắm được trình tự miêu tả trong bài văn tả cây cối.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết thảo luận nhóm về nội dung và cấu tạo của bài văn tả cây cối
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng những kiến thức đã học để tìm tòi, mở rộng, giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

1. **Năng lực đặc thù**

* Năng lực ngôn ngữ:

+ Xác định được các đoạn của bài văn.

+ Hiểu cấu tạo thường gặp của bài văn tả cây cối, cách tả một loài cây cụ thể theo trình tự nhất định.

* Năng lực văn học:

+ Phát hiện được chi tiết hay, hình ảnh đẹp trong bài văn tả cây cối.

+ Biết bày tỏ sự yêu thích của mình với những chi tiết hay, hình ảnh đẹp trong bài văn.

1. **Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Chăm luyện viết, rèn tính cẩn thận, óc thẩm mỹ khi viết.
* Yêu nước: Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: Bài giảng powerpoint, phiếu học tập, video bài hát Cái cây xanh xanh.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 5’ | **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho HS hát bài “ Cái cây xanh xanh”.  - GV giới thiệu bài học mới: *Trong tiết học trước, các em đã học bài thơ “Cau”. Các em đã được học cách nhà thơ miêu tả đặc điểm của cây cau. Hôm nay, các em sẽ học cách viết một bài văn tả cây cối qua việc tìm hiểu cấu tạo của bài văn tả cây cối.*  - GV ghi tên bài học: ***Viết 1 – Tả cây cối***. | - Cả lớp hát và vận động theo nhạc.  - HS lắng nghe. |
| 15’ | **2. Hoạt động thực hành, luyện tập**   * ***Hoạt động 1: Nhận xét***   - GV đọc mẫu bài văn *Cây si*, giải thích các từ ngữ khó (VD: *hòn non bộ, thân phụ, loà xoà,…*).  - GV yêu cầu HS nối tiếp nhau đọc 4 đoạn của bài văn. Các HS khác đọc thầm theo.  - GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận nhóm đôi theo các câu hỏi tìm hiểu bài:  *a. Bài văn có mấy đoạn? Nêu nội dung của từng đoạn.*  *b. Cây si được miêu tả theo trình tự nào?*  - GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  *a. Bài văn có 4 đoạn. Nội dung của từng đoạn:*  *+ Đoạn l: Giới thiệu đặc điểm chung của cây si.*  *+ Đoạn 2: Miêu tả rễ cây si.*  *+ Đoạn 3: Miêu tả lá cây si.*  *+ Đoạn 4: Nêu cảm nghĩ về cây si.*  *b) Cây si được miêu tả theo trình tự các bộ phận của cây.*   * ***Hoạt động 2: Rút ra bài học***   - GV mời 1 – 2 HS đọc to nội dung bài học trong SGK. Các HS khác đọc thầm theo.  - GV giải thích kĩ hơn về kiến thức được trình bày trong bài học, các từ ngữ khó (nếu có).  - GV mời 1 – 2 HS nhắc lại cho cả lớp nghe về cấu tạo của bài văn tả cây cối.  - GV chuẩn bị 3 tấm bìa ghi chữ to “Mở bài”, “Thân bài”, “Kết bài”. GV úp 3 tấm bìa lại, để trên mặt bàn GV. GV mời 3 HS lên bảng, mỗi HS lựa chọn 1 tấm bìa. HS chọn được tấm bìa nào sẽ nói lại nội dung từng phần bài văn tả cây cối. (VD: *HS chọn được tấm bìa “Mở bài” sẽ nói: “Phần mở bài giới thiệu đối tượng miêu tả (cây, hoa, quả,...)”. Tương tự, tấm bìa “Thân bài” – “Phần thân bài gồm 2 ý. Thứ nhất là tả từng bộ phận hoặc từng thời kì phát triển của đối tượng miêu tả. Thứ hai là nêu ích lợi của đối tượng miêu tả”. Tấm bìa “Kết bài” – “Phần kết bài nêu cảm nghĩ về đối tượng miêu tả”*). | - HS lắng nghe.  - HS đọc bài.  - HS thảo luận nhóm.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe.  - HS đọc bài.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS thực hiện. |
| 10’ | **3. Hoạt động luyện tập**  - GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu của BT1: *đọc bài văn “Cây bàng” và so sánh trình tự miêu tả giữa bài văn đó với bài văn “Cây si”.*  - GV mời 2 – 3 HS nối tiếp nhau đọc các đoạn trong bài văn *Cây bàng*. Các HS khác đọc thầm theo.  - GV giải thích các từ khó trong bài văn. (VD: *màu tía, trơ trụi, trơ trơ, li ti, điểm,…*).  - GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm đôi, thảo luận về sự khác nhau trong trình tự miêu tả cây bàng và cây si.  - GV mời 2 – 3 HS phát biểu trước lớp về sự khác nhau trong trình tự miêu tả cây bàng và cây si.  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung:  *Có thể miêu tả cây cối theo trình tự khác nhau: tả từng bộ phận của cây (như ở bài “Cây si”) hoặc tả sự thay đổi của cây theo thời gian (như ở bài “Cây bàng”).* | - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS lắng nghe.  - HS thảo luận nhóm đôi.  - HS trả lời câu hỏi: *Cây si được miêu tả theo trình tự: đặc điểm chung của cây – rễ cây – lá cây – ích lợi của cây; cây bàng được miêu tả theo trình tự thời gian (các mùa trong năm).*  - HS lắng nghe, tiếp thu. |
| 5’ | **4. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  - GV yêu cầu HS tự nhận xét về tiết học: ưu điểm, nhược điểm của cả lớp; những điều đã làm được, những điều cần rút kinh nghiệm, rèn luyện thêm.  - GV tổng hợp ý kiến, nhận xét tiết học, khen ngợi và động viên HS.  - GV nhắc nhở HS:  + Chuẩn bị nội dung cho tiết học *Bài viết 2: Quan sát cây cối.*  + Chuẩn bị tranh/ ảnh về một cây hoa (hoặc cây ăn quả, cây bóng mát, cây lương thực, cây cảnh) để thực hành quan sát. | - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS lắng nghe. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 22**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TOÁN**

**YẾN, TẠ, TẤN (TT)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận với bạn để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

1. **Năng lực đặc thù**

* Nhận biết được các đơn vị đo khối lượng: yến, tạ, tấn.
* Mối quan hệ giữa các đơn vị yến, tạ, tấn và với đơn vị ki-lô-gam.
* Biết chuyển đổi và tính toán với các đơn vị đo khối lượng đã học (trong những trường hợp đơn giản).
* Thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.
* Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đo khối lượng.

1. **Phẩm chất**

* Yêu thích học Toán.
* Có ý thức khi tham gia giao thông.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: Thẻ ghi các đơn vị đo khối lượng đã học, cân đồng hồ trên 10kg, 1 túi gạo 10kg.
* Học sinh: Tìm hiểu trước ở nhà thông tin về cân nặng của một số vật có khối lượng lớn (VD: cân nặng của một chiếc xe máy, cân nặng của một con bò...)

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 5’ | **1. Khởi động**  - Cho HS chơi trò chơi “Ghép thẻ”.  - Cách chơi: Ghép các đồ vật có khối lượng thích hợp với nó. Thực hiện trong nhóm đôi.  - Mời 1 HS lên điều khiển lớp chia sẻ.  - GV nhận xét trò chơi.  - Cho HS lên bảng thực hành cân túi gạo 10 kg và một số đồ vật có trong lớp.  - Cho HS xem clip Lương Thế Vinh Cân voi  \* GV giới thiệu bài: Các em đã học đơn vị đo khối lượng là ki-lô-gam (kg) ở lớp 2. Để xác định cân nặng của các vật nặng hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn ki-lô-gam, người ta còn dùng các đơn vị đo khối lượng: yến, tạ, tấn. Trong tiết toán hôm nay, các em sẽ học về ba đơn vị đo khối lượng này qua bài: Tấn, tạ, yến.  - GV ghi bảng. | - HS ghép nhóm đôi, chọn và nói cho nhau nghe kết quả phù hợp.  + Xe ô tô - 1000kg  + Xe máy - 100kg  + Xe đạp - 10kg  - Các nhóm chia sẻ, nhận xét.  - HS lắng nghe.  - 2 - 3 HS thực hiện, đọc cho các bạn nghe kết quả mình đã cân được.  - HS xem.  - HS lắng nghe.  - HS viết vào vở. |
| 20’ | **2. Hoạt động luyện tập, thực hành**   * **Bài 4:**   **-** GV yêu cầu HS đọc đề.  - HS làm bài cá nhân - trao đổi nhóm 2 - chia sẻ trước lớp.  \* GV chốt: Vì sao chúng ta cần chọn cách vận chuyển 13 tấn khoai với số chuyến xe ít nhất?  Như vậy trong cuộc sống chúng ta cần phải tính toán để tìm ra cách vận chuyển sao cho nhanh nhất và tiết kiệm nhất.  *Vậy chúng ta còn áp dụng đơn vị đo khối lượng ở những hoạt động nào trong cuộc sống, mời 1 em đọc Bài 5.*   * **Bài 5:**   - Yêu cầu HS đọc bài 5.  + Em hiểu biển báo bên cầu như thế nào?  + Những xe có khối lượng như thế nào sẽ được đi qua cầu?  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân - nhóm 4 - 1HS làm bảng phụ chia sẻ trước lớp.  \*Chốt: Bài tập 5 giúp em biết thêm điều gì? | - HS đọc đề.  - HS làm bài cá nhân, trao đổi kết quả với bạn, giải thích cách làm.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Số chuyến xe có trọng tải 3 tấn | 1 | 3 | | Số chuyến xe có trọng tải 2 tấn | 5 | 2 | | Tổng số chuyến xe phải sử dụng | 6 | 5 |   HS giải thích cách làm:  + Nếu loại xe 3 tấn là 1 chuyến thì số tấn hàng là: 1 x 3 = 3 (tấn)  Số hàng còn lại là: 13 - 3 = 10 (tấn)  Số chuyến loại 2 tấn là: 10 : 2 = 5 (chuyến)  Tổng số chuyến: 1 + 5 = 6  -> CHỌN (1)  - Nếu loại xe 3 tấn là 2 chuyến thì số tấn hàng là: 2 x 3 = 6 (tấn)  Số hàng còn lại là : 13 – 6 = 7 (tấn)  Số chuyến loại 2 tấn là: 7 : 2 = 3 chuyến (dư 1)  -> LOẠI  - Nếu loại xe 3 tấn là 3 chuyến thì số tấn hàng chở được là: 3 x 3 = 9 (tấn)  Số hàng còn lại là: 13 – 9 = 4 (tấn)  Số chuyến loại 2 tấn là: 4 : 2 = 2 chuyến  Tổng số chuyến: 3 + 2 = 5  -> CHỌN (2)  Trong 2 cách CHỌN trên chọn cách (2) vì số chuyến xe ở cách này ít nhất.  - Để tiết kiệm thời gian và chi phí.  - HS đọc bài.  - Cấm xe 10 tấn đi qua cầu.  - Xe có khối lượng dưới 10 tấn được phép đi qua cầu.  - HS làm bài cá nhân vào vở BTT  - Nhóm 4 trao đổi cách làm, giải thích vì sao.  - 1 HS chia sẻ trước lớp:  Khối lượng của ô tô khi đang chở hàng là:  5 tấn + 4 tấn 2 tạ = 9 tấn 2 tạ  Vậy ô tô được phép đi qua cầu vì khối lượng của xe không vượt mức cấm của cầu là quá 10 tấn.  - Biết biển báo cấm có sử dụng đơn vị đo khối lượng là tấn. |
| 3’ | **3. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  + Khi tham gia giao thông chúng ta cần phải làm gì để đảm bảo an toàn ?  - Nhận xét tiết học  - Chuẩn bị bài tiếp theo: Giây | - Phải chấp hành đúng nội dung các biển báo.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 09**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: KHOA HỌC**

**BÀI 5: SỰ CHUYỂN ĐỘNG CỦA KHÔNG KHÍ**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Có biểu hiện chú ý học tập, tự giác tìm hiểu về sự chuyển động của không khí.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có biểu hiện tích cực, sôi nổi và nhiệt tình trong hoạt động nhóm để tìm hiểu về sự chuyển động của không khí, một số hiện tượng thực tế liên quan đến chuyển động của không khí, mức độ mạnh của gió và việc phòng tránh bão ở gia đình, địa phương.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có biểu hiện tích cực, sáng tạo trong các hoạt động để phòng tránh bão.

1. **Năng lực đặc thù**

* Quan sát và làm thí nghiệm để nhận biết được sự có mặt của không khí; không khí chuyển động gây ra gió và nguyên nhân làm không khí chuyển động.
* Nêu được các việc cần làm để phòng tránh bão.
* Thực hiện được một số việc cần làm để phòng tránh bão.

1. **Phẩm chất**

* Trách nhiệm: Có ý thức chủ động thực hiện các công việc để phòng tránh bão.
* Chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, tích cực đóng góp trong các hoạt cá nhân, nhóm.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên:

+ 4 tờ giấy nhỏ, mỏng ( giấy ăn) và 4 chiếc quạt nan.

+ Video, tranh ảnh có trong bài.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 7’ | **1. Khởi động**  - GV chiếu 1 đoạn video ngắn: lá cây lay động, diều bay,…  - GV đưa ra câu hỏi:  + Nhờ đâu lá cây lay động?  + Nhờ đâu diều bay?  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - GV giới thiệu bài: Vậy để biết điều gì tạo ra gió chúng mình cùng nhau tìm hiểu **Bài 5: Sự chuyển động của không khí.** | - HS suy nghĩ, dựa vào hiểu biết của bản thân để trả lời các câu hỏi: nhờ gió (dựa vào kinh nghiệm trong thực tế có thể trả lời thêm được hôm nào có gió to, diều bay rất cao).  - HS lắng nghe. |
| 18’ | **2. Hình thành kiến thức mới**   * ***Hoạt động 1: Tiến hành thí nghiệm nhận biết không khí chuyển động gây ra gió***   - GV chia thành các nhóm 6 thực hiện thí nghiệm trong 3 phút: Nhóm của 1 HS đứng cách bàn một khoảng 50 cm cầm quạt để quạt về phía tờ giấy đặt trên bàn. Các HS khác đứng quan sát tờ giấy và trả lời câu hỏi: Vì sao khi đứng cách tờ giấy một khoảng cách như vậy, dùng quạt để quạt lại làm cho tờ giấy chuyển động được? Cái gì làm cho tờ giấy chuyển động?  - GV gọi lần lượt đại diện 2 nhóm nêu kết quả và giải thích kết đó.  - GV nhận xét và kết luận: Khi quạt, ta đã làm cho không khí chuyển động, không khí chuyển động gây ra gió làm tờ giấy chuyển động.   * ***Hoạt động 2:* Tìm hiểu về sự chuyển động của không khí**   - GV giới thiệu cho HS hộp đối lưu. GV nêu thí nghiệm: Đặt một cốc nến đang cháy dưới ống A. Đặt vài mẩu hương cháy đã tắt lửa nhưng còn bốc khói vào dưới ống B, rồi đóng nắp.  - GV có thể mô tả thí nghiệm rồi cho HS dự đoán kết quả thí nghiệm  + Khói hương đi từ trong hộp ra ngoài qua ống nào?  + Hướng chuyển động của khói hương trong hộp.  + Vùng nào của hộp có không khí nóng? Vùng nào của hộp có không khí lạnh hơn?  - GV yêu cầu HS nhận xét sự chuyển động của không khí, từ đó nêu nguyên nhân làm không khí chuyển động.  - GV chiếu hình 4 SGK lên bảng, gọi 2 HS chỉ và nói đường đi của không khí trước lớp.  - GV nhận xét, bổ sung.  - GV lưu ý: Ở thí nghiệm 1, con người tác động trực tiếp (quạt ) làm không khí chuyển động. Thí nghiệm 2 là tìm hiểu sự chuyển động tự nhiên của không khí: không khí nóng bao giờ cũng bốc lên cao, không khí lạnh hơn sẽ đến thế chỗ.  - GV gọi 2 HS đọc nội dung trong kí hiệu con ong ở trang 21 SGK để thấy được nguyên nhân gây ra gió trong tự nhiên. | - HS tiến hành thí nghiệm và thảo luận trả lời câu hỏi.  - Khi dùng quạt để quạt thì tờ giấy đã chuyển động. Vì khi quạt không khí chuyển động gây ra gió. Gió làm cho tờ giấy chuyển động.  - 1 nhóm khác nhận xét và bổ sung ý kiến.  + Khói từ mẩu hương cháy bay vào ống A và bay lên.  + Khói chuyển động từ B sang A.  + Phần hộp bên ống B có không khí lạnh. Phần hộp bên ống A có không khí nóng.  - Không khí nóng bốc lên cao, không khí lạnh chuyển đến thế chỗ khí nóng hơn. Chính sự nóng lên không đều nhau giữa các vùng không khí là nguyên nhân làm cho không khí chuyển động.  - HS nhận xét.  - 2 HS đọc nội dung. |
| 7’ | **3. Hoạt động vận dụng**   * ***Hoạt động 3:* Tìm hiểu một số hiện tượng thực tế liên quan đến việc chuyển động của không khí**   - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4 thực hiện 3 yêu cầu trong logo luyện tập, vận dụng ở trang 21-22 SGK.  + HS quan sát các hình 5 và 6, cho biết,  - Hướng gió thổi vào ban ngày?  - Hướng gió thổi vào ban đêm?  - Giải thích hiện tượng hướng gió thay đổi vào ban ngày và ban đêm?  + Giải thích giàn lạnh của máy điều hòa luôn được đặt lên cao?  + Công dụng của gió được sử dụng ở gia đình và địa phương em?  - GV chiếu hình 5, 6 trang 21 SGK, gọi 2 HS chỉ và giải thích trước lớp về hướng gió giữa biển và đất liền vào ban ngày và ban đêm. | + Từ biển vào đất liền.  + Từ đất liền ra biển.  + Dưới sức nỏng của Mặt Trời, đất liền và biển nóng lên không đều nhau. Chính sự nóng lên không đều nhau đó đã làm cho không khí chuyển động và tạo thành gió. Ban ngày đất liền nóng hơn biển nên gió thổi từ biển vào đất liền; ban đêm, đất liền nguội nhanh hơn biển nên gió thổi từ đất liền ra biển.  + Vì không khí nóng bao giờ cũng bốc lên cao, không khí lạnh thì đi xuống, nên khi giàn lạnh được đặt trên cao, không khí lạnh tỏa xuống làm mát rộng khắp phòng nhanh chóng.  + Quạt thóc, làm mát, cối xay gió, thả diều, đi thuyền buồm, nhảy dù, ….  - 2 HS trình bày trước lớp, 1 HS nhận xét. |
| 3’ | **4. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  - GV gọi 2 HS đọc phần kết luận SGK/22.  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn HS về nhà xem trước bài hôm sau. | - 2 HS đọc.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 05**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: ĐẠO ĐỨC**

**BÀI 3: EM NHẬN BIẾT SỰ CẢM THÔNG,**

**GIÚP ĐỠ NGƯỜI GẶP KHÓ KHĂN (TIẾT 1)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học hỏi, tìm hiểu và thực hiện các hành vi thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ với người gặp khó khăn.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, chia sẻ với bạn bè, giáo viên để thống nhất tìm ra các biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn..
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nêu được cách thức giải quyết vấn đề liên quan đến việc cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn trong cuộc sống.

1. **Năng lực đặc thù**

* Nêu được một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.
* Biết vì sao phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.
* Thể hiện rõ thái độ với những hành động thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ bằng những lời nói, việc làm cụ thể, phù hợp.
* Nhắc nhở bạn bè, người thân biết chia sẻ, cảm thông với người gặp khó khăn.

1. **Phẩm chất**

* Nhân ái: Yêu thương, giúp đỡ những người gặp khó khăn.

\* GD LTCM: GD HS cảm thông, giúp đỡ những người gặp khó khăn.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: Tranh, ảnh liên quan đến cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 5’ | **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Bịt mắt tìm đồ vật”.  - GV mời 2 - 4 HS tham gia trò chơi.  - GV phổ biến luật chơi:  + GV chuẩn bị dụng cụ bịt mắt HS và một số vật dụng quen thuộc.  + GV yêu cầu HS bị bịt mắt di chuyển trong không gian an toàn và lựa chọn đồ vật theo yêu cầu. Các HS khác trong lớp quan sát, cổ vũ.  - GV tổ chức cho HS tham gia chơi.  - GV đặt câu hỏi cho HS sau khi hoàn thành trò chơi:  + Em có cảm giác như thế nào khi không nhìn thấy mọi thứ xung quanh?  + Em liên tưởng đến ai trong trò chơi vừa rồi?  + Khi không nhìn thấy mọi thứ xung quanh thì em sẽ gặp những khó khăn gì?  - GV nhận xét, đánh giá, tổng kết hoạt động và dẫn dắt vào bài học: *Không phải ai sinh ra cũng may mắn có được cơ thể khoẻ mạnh và lành lặn, sống trong môi trường đầy đủ thuận lợi. Xung quanh chúng ta vẫn còn nhiều người gặp khó khăn cần được cảm thông và giúp đỡ. Sau đây chúng ta sẽ đến với* ***Bài 3: Em nhận biết sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn*** *để biết được vì sao phải cảm thông người gặp khó khăn và những hành động cảm thông đối với họ nhé!*  - GV ghi bảng. | - HS lắng nghe tên trò chơi.  - HS tham gia dưới sự phân chia của GV.  - HS lắng nghe GV hướng dẫn luật chơi.  - HS tham gia trò chơi.  - HS trả lời các câu hỏi, ví dụ:  + Em thấy không thoải mái, không nhìn thấy mọi vật, khó khăn trong khi di chuyển,…  + Em liên tưởng đến những người khiếm thị.  + Em khó khăn trong học tập, đọc sách, di chuyển, vui chơi, ăn uống,…  - HS lắng nghe GV nhận xét, đánh giá.  - HS ghi đầu bài vào vở. |
| 10’  10’  7’ | **2. Hoạt động hình thành kiến thức**   * ***Hoạt động 1: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi***   - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:  a) Các bạn đã làm gì để cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn?  b) Em hãy kể thêm những biểu hiện khác của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.  - GV mời đại diện 3 - 5 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời phù hợp.  + Các biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn trong tranh: giúp người lớn tuổi, người có sức khoẻ yếu qua đường; giúp các bạn có hoàn cảnh khó khăn có quần áo; giúp các bạn bị khiếm khuyết, thương tật mang đồ nặng; chia sẻ, động viên bạn gặp chuyện buồn.  + Những biểu hiện khác của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn: tìm giúp đồ cho người bị mất, tặng quà cho người có hoàn cảnh khó khăn.   * ***Hoạt động 2: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi***   - GV yêu cầu HS đọc câu chuyện *Các em nhỏ và ông cụ.*  - GV mời đại diện 2 - 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến.  a) Ông cụ đã gặp khó khăn gì?  b) Các em nhỏ đã thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ ông cụ như thế nào?  c) Sự cảm thông, giúp đỡ của các em nhỏ mang lại điều gì cho ông cụ?  - GV nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời phù hợp.  + Ông cụ đang buồn vì vợ của ông đang bị ốm nặng, khó qua khỏi.  + Việc các em nhỏ đã làm là hỏi thăm ông, thể hiện việc muốn chia sẻ, hỏi thăm, giúp ông lên xe buýt.  + Sự cảm thông, giúp đỡ của các em nhỏ giúp cho ông cụ cảm thấy nhẹ lòng hơn và được quan tâm hơn.   * ***Hoạt động 3 : Đọc ý kiến và thực hiện theo yêu cầu***   - GV chia lớp thành các nhóm 4.  - GV yêu cầu các nhóm đọc các ý kiến trong SGK và trả lời câu hỏi:  a) Em thích nhất ý kiến nào? Vì sao?  b) Theo em, tại sao phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn?  - GV mời đại diện các nhóm phát biểu ý kiến. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét.  - GV nhận xét và tổng kết những ý kiến phù hợp. | - HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi.  - 3 - 5 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến.  - HS lắng nghe GV nhận xét, đánh giá.  - HS đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi.  - HS trả lời:  + “Vợ ông cụ ốm nặng, nằm bệnh viện mấy tháng nay. Bà ốm nặng lắm, khó mà qua khỏi.”  + “Đám trẻ lặng đi. Các em nhìn ông cụ đầy thương cảm.”  + Sự cảm thông, giúp đỡ của các em nhỏ khiến ông cụ nhẹ lòng hơn.  - HS lắng nghe GV nhận xét, đánh giá.  - HS chia nhóm 4.  - Đọc ý kiến trong SGK, thảo luận.  - Đại diện 3 - 5 nhóm trình bày ý kiến.  + Với người gặp khó khăn: giúp họ có thêm niềm tin, nghị lực, tinh thần lạc quan để vượt qua khó khăn; giúp họ cảm thấy được yêu thương và nhẹ lòng hơn.  + Với bản thân: thể hiện tinh thần nhân ái, là biểu hiện của người tử tế.  - Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung.  - HS lắng nghe. |
| 3’ | **3. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  + GV dặn dò HS chuẩn bị tiết tiếp theo. | - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Ngày dạy: 9/10/2024**

**Tiết: 32**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐỀ: MĂNG NON**

**BÀI 2: CHĂM HỌC, CHĂM LÀM**

**NÓI VÀ NGHE: KỂ CHUYỆN: CHIẾC VÍ**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, kể được câu chuyện theo yêu cầu.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết kể chuyện; biết trao đổi cùng các bạn chủ động, tự nhiên, tự tin; biết lắng nghe và ghi chép.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sáng tạo khi kể chuyện: chọn ngôi kể, sắp xếp trình tự câu chuyện, sử dụng phương tiện trực quan, trang phục.

1. **Năng lực đặc thù**

* Năng lực ngôn ngữ:

+ Nghe và nhớ nội dung, kể lại được câu chuyện *Chiếc ví.*

*+* Biết trao đổi cùng các bạn về nội dung câu chuyện.

*+* Lắng nghe bạn kể, biết ghi thắc mắc, nhận xét; phát biểu đánh giá lời kể của bạn.

* Năng lực văn học: Biết bày tỏ sự yêu thích các chi tiết thú vị trong câu chuyện.

1. **Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Nhân ái: biết thông cảm với những người nghèo khó; đề cao đức tính trung thực trong mọi hoàn cảnh; biết chia sẻ và giúp đỡ mọi người xung quanh.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: Bài giảng powerpoint, video bài hát Em yêu trường em.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 5’ | **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho HS hát bài “Em yêu trường em ”.  - GV giới thiệu bài học: *Trong tiết luyện nói và nghe hôm nay, các em sẽ nghe câu chuyện về một chiếc ví bị thất lạc. Sau đó, chúng ta sẽ cùng nhau trao đổi về sự việc xảy ra trong câu chuyện và về các nhân vật trong câu chuyện.*  - GV ghi tên bài học: ***Kể chuyện “Chiếc ví”.*** | - HS vận động theo bài hát.  - HS lắng nghe. |
| 25’ | **2. Hoạt động luyện tập, thực hành**   * ***Hoạt động 1: Nghe kể chuyện***   - GV kể lần 1, kết hợp giải nghĩa từ khó, nếu có (VD: *danh thiếp, tống tiền*).  - GV kể lần 2, 3 hoặc chiếu video (nếu có).  - GV cho HS trả lời các câu hỏi gợi ý trong SGK.   * ***Hoạt động 2: Kể chuyện trong nhóm***   *Nhiệm vụ 1: Kể chuyện trong nhóm*  - GV tổ chức cho HS kể chuyện trong nhóm đôi.  - GV theo dõi, giúp đỡ HS thực hiện đúng yêu cầu của BT.  *Nhiệm vụ 2: Kể chuyện trước lớp*  - GV mời HS xung phong kể toàn bộ (hoặc một đoạn của câu chuyện). Các HS khác lắng nghe, góp ý.  - GV mời 1 – 2 HS khá, giỏi kể lại toàn bộ câu chuyện. Các HS khác lắng nghe, góp ý.  - GV nhận xét, đánh giá, góp ý.   * ***Hoạt động 3: Trao đổi về câu chuyện***   - GV mời 2 – 3 HS phát biểu ý kiến. Các HS khác lắng nghe, góp ý.  *a. Em có suy nghĩ gì về tính cách của các nhân vật trong câu chuyện (nhà từ thiện, cậu bé, người trợ lí)?*  *b. Qua câu chuyện, em thấy thái độ của người trợ lí đối với cậu bé thay đổi như thế nào? Vì sao có sự thay đổi đó?*  *c. Câu chuyện giúp em hiểu điều gì?*  - GV tổng kết ý kiến của cả lớp để HS hiểu đúng. Chú ý kiểm tra nội dung ghi chép của một số HS; hướng dẫn HS ghi chép, có thái độ đúng khi nghe và thảo luận (tôn trọng người nói, tích cực tham gia thảo luận).  ***Văn bản truyện:***  ***Chiếc ví***  *Một nhà từ thiện tới làm việc ở thành phố nọ. Bỗng nhiên, ông phát hiện chiếc ví tiền rơi đâu mất. Người trợ lí của ông cho rằng có lẽ chiếc ví bị mất khi đi bộ qua khu nhà ổ chuột trong thành phố. Nhà từ thiện hi vọng ai đó nhặt được ví sẽ liên hệ với mình. Nhưng sau hai giờ, vẫn không có tin tức gì. Người trợ lí nói: “Trong ví có danh thiếp, người nhặt được ví nếu muốn trả lại chỉ mất vài phút gọi điện thoại. Nhưng chắc họ không định trả lại đâu.”.*  *Nhà từ thiện vẫn kiên nhẫn chờ. Khi trời sắp tối, chuông điện thoại bỗng vang lên. Giọng một cậu bé nhắn họ đến nhận ví tại một địa điểm. Mặc cho người trợ lí lo rằng đây có thể là một cái bẫy để tống tiền, nhà từ thiện vẫn lái xe đến đó.*  *Đến nơi, họ thấy một cậu bé với bộ quần áo rách rưới tiến về phía họ. Trên tay cậu ta là chiếc ví của nhà từ thiện. Người trợ lí nhận lại chiếc ví, không quên kiểm tra và thấy ví có rất nhiều tiền.*  *Cậu bé ngập ngừng nói:*  *- Chú có thể cho cháu một ít tiền không?*  *Người trợ lí mỉm cười đắc ý: “Tôi biết mà...”. Nhưng nhà từ thiện ngắt lời anh ta và tươi cười hỏi cậu bé muốn bao nhiêu tiền.*  *- Cháu chỉ cần một đô la. - Cậu bé xấu hổ nói.*  *Nhà từ thiện ngạc nhiên:*  *- Tại sao lại là một đô la vậy, cháu?*  *Lúc này, cậu bé mới kể lại câu chuyện:*  *- Cháu tìm mãi mới thấy trạm điện thoại, nhưng cháu không có tiền. Vì vậy, cháu phải mượn tiền của một người để gọi điện. Bây giờ cháu cần phải trả cho họ.*  *Đôi mắt trong veo cùng những lời nói của cậu bé nghèo khiến người trợ lí vô cùng xấu hổ, chỉ biết cúi đầu lặng im. Còn nhà từ thiện thì ôm cậu bé vào lòng.*  *Sau sự việc, nhà từ thiện quyết định đầu tư xây dựng một số trường học ở thành phố để trẻ em từ các khu ổ chuột nghèo khổ có thể đến trường học miễn phí. (Theo ĐĂNG DƯƠNG)* | - HS lắng nghe.  - HS trả lời dựa vào nội dung câu chuyện GV kể.  - HS kể chuyện trong nhóm.  - HS kể chuyện trước lớp.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe.  - HS phát biểu ý kiến:  *a. Nhà từ thiện là người tốt bụng, luôn tin tưởng và đồng cảm với những người nghèo khó. Cậu bé là người rất trung thực, biết giữ lời hứa. Người trợ lí là người đa nghi và không có thiện cảm với những người nghèo nhưng đã thay đổi khi chứng kiến hành động đẹp của cậu bé.*  *b. Lúc đầu, người trợ lí nghi ngờ cậu bé có âm mưu tống tiền nhà từ thiện, sau đó lại nghĩ rằng cậu bé xin tiền nhà từ thiện. Nhưng khi biết được sự thật, người trợ lí vô cùng xấu hổ. Sở dĩ có sự thay đổi đó là vì anh ấy chứng kiến cách ứng xử rất trung thực và cao thượng của cậu bé.*  *c. Hãy trung thực, luôn quan tâm và giúp đỡ những người xung quanh mình; cần có niềm tin vào người khác, không nên đánh giá người khác qua hình thức.*  - HS lắng nghe. |
| 5’ | **3. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  - GV yêu cầu HS về nhà kể lại cho người thân nghe cau chuyện Chiếc ví  - Sưu tầm một số tấm gương về trung thực trogn cuộc sống quanh em ( báo cáo lại vào bài đoc 2: Một người chính trực)  - Nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà. | - HS nêu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 23**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TOÁN**

**GIÂY**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh tích cực, chủ động suy nghĩ để giải các bài tập.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận với bạn bè về các cách giải các bài toán và tình huống thực tế.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vác vấn đề trong cuộc sống.

1. **Năng lực đặc thù**

* Nhận biết được đơn vị đo thời gian: giây.
* Biết mối quan hệ giữa giây và phút.
* Vận dụng được đơn vị đo thời gian “giây” vào thực tế cuộc sống.

1. **Phẩm chất**

* Hình thành sự chăm chỉ, học tập nghiêm túc. Biết quý trọng thời gian.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: Một chiếc đồng hồ thật, loại có cả ba kim giờ, phút, giây và có các vạch chia theo từng phút.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 5’ | **1. Khởi động**  - GV tổ chức trò chơi “Gọi tên” để trả lời các câu hỏi về đơn vị đo thời gian.  - GV trình chiếu các câu hỏi:  + Bạn hãy kể tên các đơn vị đo thời gian mà bạn đã học?  + Một năm có bao nhiêu tháng?  + Một tháng có bao nhiêu ngày?  + Một tháng có bao nhiêu tuần?  + Một tuần có bao nhiêu ngày?  + Một ngày có bao nhiêu giờ?  + Một giờ có bao nhiêu phút?  + Hãy quan sát tranh và trả lời câu hỏi “Còn bao nhiêu giây nữa nhỉ?”  - GV hỏi: Theo các em mọi người dừng xe chờ đèn đỏ trong bao nhiêu giây?  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên.  *\* Giới thiệu bài: Ở lớp 3 chúng ta đã học các đơn vị đo thời gian là*năm, tháng, tuần*,* ngày, giờ, phút*. Hôm nay các em sẽ học đơn vị đo thời gian nhỏ hơn tất cả các đơn vị trên đó là****giây****.*  - GV ghi tựa bài lên bảng. | - HS điều khiển cả lớp cùng chơi.  *-* Năm, tháng, tuần*,*ngày, giờ, phút*.*  - Một năm có 12 tháng.  - Một tháng có 30 ngày.  - Một tháng có 4 tuần.  - Một tuần có 7 ngày.  - Một ngày có 24 giờ.  - Một giờ có 60 phút.  - Còn 58 giây nữa.  - 60 giây  - HS viết vào vở. |
| 13’ | **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  \* Thao tác với đồ dùng trực quan.  **-** GV cho HS quan sát đồng hồ thật hoặc trên màn hình, trả lời các câu hỏi:  + Đồng hồ có mấy kim? Đó là những kim chỉ gì?  + Một giờ bằng bao nhiêu phút?  - Khi kim phút chạy được một vòng trên mặt đồng hồ qua 60 vạch thì kim giờ chạy được 1 giờ. Như vậy mỗi vạch trên đồng hồ là 1 phút. Ta có 1 giờ = 60 phút.  + Hãy quan sát xem khi kim giây chạy được một vòng trên mặt đồng hồ qua 60 vạch thì kim phút chạy được bao nhiêu phút?  + Vậy 1 phút bằng bao nhiêu giây?  - Giây là đơn vị đo thời gian nhỏ nhất.  Ta có: 1 phút = 60 giây.  - GV yêu cầu 3- 5 HS nhắc lại.  - Kim giây chuyển động liên tiếp từ vạch này đến vạch kia trên mặt đồng hồ là 1 giây. Chúng ta có thể ước lượng khoảng thời gian 1 giây bằng cách đếm hoặc gõ theo nhịp chuyển động của kim giây.  + Em hãy đi từ chỗ mình ngồi lên bảng và ước lượng xem mình đã đi trong bao nhiêu giây.  \* **GV chốt:** Giây là đơn vị đo thời gian nhỏ nhất. 1 phút = 60 giây  *Để giúp các em hiểu rõ hơn mối quan hệ giữa đơn vị đo thời gian giây và phút, vận dụng được đơn vị đo thời gian “giây” vào thực tế cuộc sống, chúng ta cùng chuyển qua phần thực hành luyện tập.* | - Đồng hồ có 3 kim, đó là kim chỉ giờ, chỉ phút và chỉ giây.  - Một giờ bằng 60 phút.  - Khi kim giây chạy được một vòng trên mặt đồng hồ qua 60 vạch thì kim phút chạy được 1 phút.  - 1 phút = 60 giây  - Giây là đơn vị đo thời gian.  Ta có: 1 phút = 60 giây  - HS theo dõi GV.  - 2 - 3 HS thực hành.  - HS lắng nghe. |
| 13’ | **3. Hoạt động luyện tập, thực hành**   * **Bài 1:**   **-** Yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 1  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở BT toán, trao đổi nhóm đôi, đọc cho nhau nghe thời gian chỉ trên các cặp đồng hồ.  - Yêu cầu 2 - 3 HS đọc thời gian trên từng cặp đồng hồ trước lớp.  - GV nhận xét, tuyên dương  \* **GV** **chốt**: Bài tập 1 giúp em hiểu điều gì?  *Để nắm rõ hơn mối quan hệ giữa giây và phút chúng ta cùng đến với bài tập 2.*   * **Bài 2:**   - Yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập 2.  - HS làm bài cá nhân vào vở bài tập toán, trao đổi nhóm đôi, giải thích cách làm và chia sẻ trước lớp.  - Yêu cầu vài HS giải thích cách làm trước lớp.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **\* GV chốt:**  - BT 2 giúp em đã hiểu được điều gì ?  *Người ta sử dụng đơn vị đo thời gian “giây” vào những hoạt động nào trong cuộc sống, chúng ta cùng đến với bài 3.*   * **Bài 3:**   - Yêu cầu HS đọc bài tập 3.  - Yêu cầu 2 HS phân tích bài toán.  - Yêu cầu làm bài cá nhân vào vở - trao đổi nhóm đôi - một HS làm bảng phụ chia sẻ trước lớp.  \* GV chốt: BT3 giúp em hiểu điều gì?  *Ngoài việc sử dụng đơn vị “giây” để tính thời gian các vận động viên chạy, người ta còn sử dụng trong các hoạt động nào nữa, các em hãy thực hiện bài tập 4.* | - HS đọc.  - HS thực hiện, nhận xét đánh giá lẫn nhau.  - HS đọc: 6 giờ 30 phút  12 giờ 9 phút 50 giây  19 giờ 35 phút 15 giây  - Em đã nhận biết, đọc được các đơn vị đo thời gian giờ, phút, giây trên đồng hồ kim và đồng hồ điện tử.  - HS đọc bài.  - HS thực hiện - trao đổi - chia sẻ - nhận xét lẫn nhau - báo cáo kết quả với GV.  - 1 phút = 60 giây nên 3 phút bằng 60 x 3 = **180**giây, em điền 180 vào chỗ chấm.  - 1 phút = 60 giây nên 1 phút 15 giây = **75** giây.  - HS lắng nghe.  - Mối quan hệ giữa giây và phút.  - HS đọc.  - Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì? Làm thế nào để biết được điều đó?  Bài giải:  Đổi: 1 phút = 60 giây  Vận động viên đó chạy hết số giây là:  1 phút 45 giây = 105 (giây)  Đáp số: 105 giây  - Dùng đơn vị đo thời gian “giây” để biết vận động viên về đích trong thời gian bao lâu. |
| 7’ | **4. Hoạt động vận dụng**   * **Bài 4:**   - Yêu cầu HS đọc bài tập 4.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 ghi nhanh các hoạt động trong thực tế có sử dụng đơn vị đo là giây vào bảng nhóm.  - Yêu cầu vài nhóm chia sẻ trước lớp.  \* GV chốt: BT4 giúp em hiểu thêm điều gì?  - GV nhận xét. | - HS đọc.  - HS thực hiện.  - Giây được sử dụng trong các cuộc thi chạy ngắn, bơi lội, các trò chơi tính thời gian, đèn tín hiệu giao thông,…)  - HS chia sẻ, nhận xét, đánh giá lẫn nhau.  - Em biết thêm các hoạt động sử dụng đơn vị đo là giây. |
| 3’ | **5. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  - Qua bài học hôm nay các em biết thêm những điều gì ?  - Trong các cuộc thi tính bằng đơn vị thời gian là giây thì các em chú ý điều gì ?  \**Thời gian trôi qua không bao giờ trở lại dù là 1 giây. Vì vậy chúng ta phải biết quý trọng thời gian. Hãy chăm chỉ học tập, rèn luyện và làm nhiều việc tốt để thời gian không trôi đi một cách vô ích.*  - Nhận xét tiết học  - Chuẩn bị bài tiếp theo: Thế kỉ | - HS trả lời.  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 09**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

**BÀI 3: ĐỘNG TÁC ĐI ĐỀU MỘT HÀNG DỌC VÒNG BÊN TRÁI**

**(TIẾT 1)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Tự xem trước khẩu lệnh, cách thực hiện động tác đi đều một hàng dọc vòng bên phải trong sách giáo khoa.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thông qua các hoạt động nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi.

1. **Năng lực đặc thù**

* Học động tác đi đều một hàng dọc vòng bên trái. Hs biết khẩu lệnh và cách thức thực hiện động tác. Hăng hái tích cực trong tập luyện hoàn thành lượng vận động của bài tập.
* Năng lực chăm sóc sức khoẻ: Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện. Biết điều chỉnh trang phục để thoải mái và tự tin khi vận động, biết điều chỉnh chế độ dinh dưỡng đảm bảo cho cơ thể.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua việc học tập tích cực, chủ động tiếp nhận kiến thức và tập luyện.
* Tự giác, tích cực trong tập luyện; Yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm và trung thực.

1. **Phẩm chất**

* Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.
* Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: tranh ảnh động tác đi đều nhiều hàng dọc vòng bên trái, trang phục thể thao, còi phục vụ trò chơi.
* Học sinh: giày thể thao,…

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **LV Đ** | | **Phương pháp, tổ chức và yêu cầu** | |
| **TG** | **SL** | **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **I. Hoạt động mở đầu**  **1. Nhận lớp**  **2. Khởi động**.  - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,...  **3. Trò chơi. Cánh quạt vui nhộn**  tc kđ bài 3  **II. Hoạt động hình thành kiến thức.**  **1. Học động tác đi đều một hàng dọc vòng bên trái**  LUYỆN TẬP  **2.Hoạt động luyện tập.**  **2.1.Tập đồng loạt**  - Tập động tác theo nhịp đếm chậm và động tác mẫu của GV  - Tập theo nhịp hô đếm nhanh, chậm của GV.  **2.2.Tập theo tổ nhóm.**  **2.3.Tập cá nhân**  **3.Trò chơi** “Vòng tròn siêu tốc”  TRÒ CHƠI KẾT THÚC 3  **III. Vận dụng**  - Thả lỏng cơ toàn thân.  - Củng cố hệ thống bài học.  - Nhận xét và hướng dẫn tập luyện ở nhà.  - Xuống lớp. | 5-7’  20-22’  4-6’ | 1-2L  1-2L  1-2L  1-2L  1-2L  1-2L  1L | - Nghe cán bộ lớp báo cáo.  - Hỏi về sức khỏe của Hs.  - Cô trò chúc nhau.  - Phổ biến nội dung, nhiệm vụ và yêu cầu giờ học.  - GV di chuyển và quan sát, chỉ dẫn cho HS thực hiện.  - Gv tổ chức Hs chơi trò chơi.  - Cho HS quan sát tranh  - GV làm mẫu động tác kết hợp phân tích kĩ thuật động tác.  - Hô nhịp và thực hiện động tác mẫu, hướng dẫn Hs thực hiện đt.  - Gv quan sát, uốn nắm và sửa sai cho Hs.  - Gv hô nhịp 1 lần và giao cán sự lớp hô.  - Hs tập theo Gv.  - Gv quan sát, sửa sai cho Hs.  - Yêu cầu Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực.  - Gv quan sát, uốn nắn, sửa sai cho Hs.  - luyện tập theo khu vực.  - Gv quan sát, uốn nắn, sửa sai cho Hs.  - GV nêu tên trò chơi, phổ biến luật chơi, cách chơi.  - Cùng hs nhắc lại luật chơi và cách chơi.  - Cho Hs chơi thử.  - Tổ chức cho Hs chơi.  - GV hướng dẫn.  - Gv cùng hs hệ thống lại bài.  - Nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của Hs.  - HD sử dụng SGK để Hs ôn lại bài và chuẩn bị bài sau. | - Cán sư tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp học cho Gv.    GV  \* \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  -Cán sự điều khiển lớp khởi động .  - Hs chơi đúng luật, nhiệt tình sôi nổi và đảm bảo an toàn.  tc kđ bài 3  - Hs lắng nghe, tiếp thu và ghi nhớ.  - Tập luyện theo sự hướng dẫn của Gv.    - Hs tiến hành tập luyện theo sự hướng dẫn của Gv và cán sự lớp.  - Hs thay phiên nhau hô nhịp.  LUYỆN TẬP  Hs nhắc lại luật chơi, cách chơi.  - Hs tiến hành chơi trò chơi dưới sự chỉ huy của Gv.  - Chơi trò đúng luật, nhiệt tình, sôi nổi và an toàn.  - HS thực hiện thả lỏng  - Hs cùng Gv hệ thống lại bài (HS quan sát SGK (tranh) trả lời)  GV  \* \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  - HS tập chung thực hiện theo hướng dẫn của GV và nhận hướng dẫn tập luyện ở nhà. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 14**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**CHỦ ĐỀ 2: NIỀM TỰ HÀO CỦA EM**

**HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỂ:**

**NIỀM TỰ HÀO CỦA EM**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

1. **Năng lực đặc thù**

* Sáng tạo những mảnh ghép diệu kì.
* Giới thiệu được đặc điểm, những việc làm đáng tự hào của bản thân trước lớp.

1. **Phẩm chất**

* Tự tin, trách nhiệm: tự tin thể hiện niềm tự hào của bản thân,có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: Giấy, bút, bút màu, dụng cụ để thể hiện niềm tự hào của bản thân trên lớp.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 5’ | **1. Khởi động**  **-** GV mở cho học sinh nghe một video về tài năng nhí: (từ 4:45 đến 5:40)  https://www.youtube.com/watch?v=ARBazganzfw  - GV đặt câu hỏi: *Video đã gửi tới các em thông điệp gì?*  - GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi.  - GV nhận xét, chốt đáp án*: Video đã cho thấy mỗi bạn nhỏ chúng ta ai cũng có tài năng hay điều mà các em đáng tự hào về bản thân.*  - GV tổng kết và dẫn dắt vào bài học: *Video mở đầu cho học mới của chúng ta. Chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay nhé –* *Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Niềm tự hào của em.* | - HS quan sát video về tài năng nhí.  - HS lắng nghe câu hỏi.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe và tiếp thu.  - HS lắng nghe GV giới thiệu bài học |
| 25’ | **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**   * ***Hoạt động 1: Sáng tạo những mảnh ghép kì diệu***   - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 4 – 6 HS:  + GV nhắc HS chuẩn bị giấy, bìa màu, bút, bút màu, hồ dán,...  + GV nêu nhiệm vụ: Các nhóm cùng sáng tạo tác phẩm *Những mảnh ghép diệu kì* thể hiện những đặc điểm đáng tự hào về bản thân của các thành viên trong nhóm cụ thể như sau:  *- GV gợi ý các nhóm tạo các mảnh ghép theo ý thích như hình tròn, hình trái tim , hình cái cây, hình bông hoa, hình con thuyền,...*  *- Từng thành viên trong nhóm viết những đặc điểm đáng tự hào về bản**thân lên mỗi mảnh ghép.*  *- Sau khi các thành viên viết xong, cả nhóm cùng trang trí tác phẩm Những mảnh ghép diệu kì.*  + Các nhóm tiến hành trao đổi và sáng tạo tác phẩm *Những mảnh ghép diệu kì.*    - GV hướng dẫn HS làm việc cả lớp:  + GV tổ chức cho các nhóm chia sẻ và giới thiệu trước lớp tác phẩm *Những mảnh ghép diệu kì* theo các nội dung sau:  *- Nêu ý tưởng sáng tạo tác phẩm Những mảnh ghép kì diệu của nhóm.*  *- Giới thiệu tên và những đặc điểm tự hào của các thành viên trong nhóm.*  *- Chia sẻ ý nghĩa tác phẩm Những mảnh ghép kì diệu.*  + GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày trước lớp.  + GV mời đại diện 1 – 2 nhóm nhận xét, về tác phẩm của nhóm bạn.  + GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về tác mình phẩm ấn tượng nhất.  - GV tổng kết hoạt động và đưa ra kết luận:*Ai cũng có những đặc điểm đáng tự hào về bản thân mình. Chúng ta có thể tự hào về tài năng của bản thân như bóng đá giỏi, hát hay, vẽ đẹp, biết làm ảo thuật,...hoặc những tính cách của bản thân như vui tính, hài hước, thân thiện, tốt bụng, dũng cảm,...Chúng ta hãy trân trọng đặc điểm đáng tự hào của bản thân và thể hiện sự yêu quý những đặc điểm đáng tự hào của các bạn.*   * ***Hoạt động 2: Thể hiện niềm tự hào của bản thân trước lớp***   - GV hướng dẫn HS lựa chọn một đặc điểm tự hào của bản thân. Ví dụ: ca hát, thổi sáo, làm ảo thuật, múa, vẽ tranh, làm thơ, diễn kịch,...    *-* GV tổ chức cho HS thể hiện niềm tự hào của bản thân trước lớp.  - GV tổ chức bình chọn phần trình diễn ấn tượng bằng cách giơ tay, sử dụng sticker, tặng sao,...  - GV mời một số HS chia sẻ cảm xúc khi tham gia thể hiện niềm tự hào của em hoặc khi xem phần trình diễn của các bạn.  - GV tổng kết hoạt động và đưa ra kết luận: *Mỗi người đều có đặc điểm đáng tự hào về bản thân. Các em hãy phát huy đặc điểm đáng tự hào của mình nhé! Thể hiện niềm tự hào của bản thân trước lớp sẽ giúp các em tự tin hơn, đồng thời là động lực để các em tiếp tục phát triển bản thân trong tương lai.* | - HS làm việc nhóm theo hướng dẫn.  - HS chuẩn bị dụng cụ học tập.  - HS lắng nghe và thực hiện theo các bước hướng dẫn của GV.  - HS chọn hình dáng cho những mảnh ghép.  - HS ghi những đặc điểm đáng tự hào về bản thân lên mỗi mảnh ghép.  - HS trang trí tác phẩm.  - HS trao đổi tác phẩm cho nhau để quan sát.  - HS làm việc chung theo hướng dẫn.  - HS chia sẻ các tác phẩm trước lớp.  - HS trình bày.  - HS nhận xét về tác phẩm của nhóm bạn.  - HS chia sẻ tác phẩm bản thân ấn tượng nhất.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe và lựa chọn niềm tự hào của bản thân.  - HS thể hiện niềm tự hào của bản thân. HS khá theo dõi, cổ vũ động viên bạn.  - HS bình chọn theo hướng dẫn.  - HS chia sẻ cảm xúc khi tham gia thể hiện niềm tự hào của em hoặc khi xem phần trình diễn của các bạn.  - HS lắng nghe. |
| 5’ | **3. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - GV hướng dẫn HS về nhà kể cho người thân nghe về đặc điểm tự hào của bản thân và các bạn.  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát  - GV nhắc nhở HS:  + Ôn lại các kiến thức đã học hôm nay.  + Trò chuyện với người thân về những khảo sát và đánh giá của nhóm em hoặc của các nhóm khác trong lớp về thực trạng cảnh quan của trường học. | - HS lắng nghe và thực hiện ở nhà.  - HS lắng nghe.  - HS vỗ tay tuyên dương những bạn làm tốt và động viên những bạn còn nhút nhát.  - HS lắng nghe. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 10**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: KHOA HỌC**

**BÀI 5: SỰ CHUYỂN ĐỘNG CỦA KHÔNG KHÍ (TIẾT 2)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Có biểu hiện chú ý học tập, tự giác tìm hiểu về sự chuyển động của không khí.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Có biểu hiện tích cực, sôi nổi và nhiệt tình trong hoạt động nhóm để tìm hiểu về sự chuyển động của không khí, một số hiện tượng thực tế liên quan đến chuyển động của không khí, mức độ mạnh của gió và việc phòng tránh bão ở gia đình, địa phương.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có biểu hiện tích cực, sáng tạo trong các hoạt động để phòng tránh bão.

1. **Năng lực đặc thù**

* Quan sát và làm thí nghiệm để nhận biết được sự có mặt của không khí; không khí chuyển động gây ra gió và nguyên nhân làm không khí chuyển động.
* Nhận xét, so sánh được mức độ mạnh của gió qua quan sát thực tế hoặc tranh ảnh, video clip.
* Nêu được các việc cần làm để phòng tránh bão.
* Thực hiện được một số việc cần làm để phòng tránh bão.

1. **Phẩm chất**

* Trách nhiệm: Có ý thức chủ động thực hiện các công việc để phòng tránh bão.
* Chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, tích cực đóng góp trong các hoạt cá nhân, nhóm.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: 4 tờ giấy nhỏ, mỏng ( giấy ăn) và 4 chiếc quạt nan, video, tranh ảnh có trong bài.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 7’ | **1. Khởi động**  - GV chiếu 1 đoạn video ngắn: lá cây lay động, diều bay,…  - GV đưa ra câu hỏi:  + Nhờ đâu lá cây lay động?  + Nhờ đâu diều bay?  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - GV giới thiệu bài: Vậy để biết điều gì tạo ra gió chúng mình cùng nhau tìm hiểu **Bài 5: Sự chuyển động của không khí.** | - HS suy nghĩ, dựa vào hiểu biết của bản thân để trả lời các câu hỏi: nhờ gió (dựa vào kinh nghiệm trong thực tế có thể trả lời thêm được hôm nào có gió to, diều bay rất cao). |
| 16’ | **2. Hình thành kiến thức mới**   * ***Hoạt động 1:* Tìm hiểu về mức độ mạnh của gió**   - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm đôi trong 1 phút, quan sát hình 8 ở trang 22 SGK để nhận xét và số sánh mức độ mạnh của gió trong các trường hợp a, b, c, d. (HS căn cứ vào các biểu hiện của cây, khói từ ống khói của ngôi nhà, mái nhà, mây để nhận xét và so sánh.)  - Gọi 2 nhóm báo cáo  - GV yêu cầu 2 HS đọc nội dung mục “Em có biết” ở trang 22 SGK để thấy được quy định về cấp gió ở Việt Nam. (Yêu cầu HS làm việc cá nhân câu 6 trong VBT)  - GV chiếu video clip về cây cối, nhà cửa bị cuốn trôi do một số cơn bão lớn xảy ra tại Việt Nam để thấy được sức tàn phá của bão [*https://www.youtube.com/*](https://www.youtube.com/)watch?v=iIred7oIkpA  và trả lời câu hỏi:  + Cấp gió bao nhiêu trở lên thì được gọi là bão? Bão có thể gây ra những tác hại gì?   * ***Hoạt động 2:* Tìm hiểu một số biện pháp phòng tránh bão**   - GV yêu cầu 1 HS đọc thông tin: Một số biện pháp phòng tránh bão SGK trang 23.  - Gọi 2 – 3 HS trình bày một số việc cần làm để phòng tránh bão.  - GV nhận xét- GV yêu cầu 1 HS đọc thông tin: Một số biện pháp phòng tránh bão SGK trang 23.  - Gọi 2 – 3 HS trình bày một số việc cần làm để phòng tránh bão.  - GV nhận xét. | - HS làm việc nhóm đôi.  - 2 nhóm báo cáo:  Hình a: nhẹ  Hình b: khá mạnh  Hình c: mạnh  Hình d: rất mạnh  Nhóm khác nhận xét.  - 2 HS đọc.  - HS xem video  + Gió cấp 8 trở lên có thể gây ra bão. Bão gây ra những tác hại: tàn phá những công trình vững chắc như nhà cửa, công sở, cầu cống, cột điện cao thế,... gây ngập úng trên diện rộng; lật úp hoặc nhấn chìm tàu thuyền…  - 1 HS đọc.  - 2 - 3 HS trình bày. HS khác nhận xét, bổ sung. |
| 7’ | **3. Hoạt động luyện tập, thực hành**   * **Hoạt động 1: Liên hệ việc phòng tránh bão ở gia đình và địa phương**   - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4 trong 2 phút và trả lời câu hỏi: Nêu những việc làm để phòng tránh bão ở gia đình và địa phương em. Trong đó, em đã thực hiện những việc nào?  - Gọi 1- 2 báo cáo kết quả thảo luận.  - GV nhận xét, bổ sung: Nước ta thường hay có bão. Cơn bão càng lớn, thiệt hại về người và của càng nhiều. Vì vậy, cần tích cực phòng chống bão bằng cách theo dõi bản tin thời tiết, tìm cách bảo vệ nhà cửa, sản xuất, đề phòng khan hiếm thức ăn và nước uống, đề phòng tai nạn do bão gây ra (nên cắt điện, không ra khơi, phải đến nơi trú ẩn an toàn,...).  - Gọi 2 HS đọc kết luận cuối trang 23 SGK. | - HS thảo luận nhóm trong 2 phút.  - Một số biện pháp phòng chống bão: Làm tốt công tác dự báo thời tiết, sơ tán dân, thông báo cho tàu thuyền về nơi trú ẩn, củng cố đê điều, chống bão lũ, xói mòn,…  - 1 nhóm khác nhận xét.  - 2 HS đọc. |
| 5’ | **4. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  \* Dự báo thời tiết”.  - HS đóng vai là BTV thời tiết thuyết minh về những hiểu biết của mình về cấp gió (hiện tượng, tác hại và cách phòng chống).  - GV hỏi HS khác gió ở cấp độ bao nhiêu thì thành bão?  - GV nhận xét tiết học. | - HS đóng vai.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Ngày dạy: 10/10/2024**

**Tiết: 33**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐỀ: MĂNG NON**

**BÀI 3: NHƯ MĂNG MỌC THẲNG**

**BÀI ĐỌC 2: MỘT NGƯỜI CHÍNH TRỰC**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Độc lập suy nghĩ để trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết tổ chức và than gia thảo luận nhóm, biết trình bày, báo cáo kết quả thảo luận trước lớp.

1. **Năng lực đặc thù**

* Năng lực ngôn ngữ:
* Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ học sinh dễ viết sai.
* Ngắt nghỉ hơi đúng ngữ pháp, ngữ nghĩa. Tốc độ đọc 75 - 80 tiếng/phút.
* Đọc thầm nhanh hơn ở lớp 3.
* Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài. Hiểu được nội dung, ý nghĩa bài: ca ngợi tính cách chính trực, luôn vì dân vì nước của Tô Hiến Thành.
* Năng lực văn học: Hiểu những chi tiết cho thấy cốt cách chính trực của Tô Hiến Thành; biết chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân với mọi người.

1. **Phẩm chất**

* Trung thực: Bồi dưỡng phẩm chất trung thực, ngay thẳng, liêm khiết.

\* GD LTCM: GD HS thật thà, ngay thẳng trong học tập và trong cuộc sống; mạnh dạn nói lên ý kiến của mình.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: Bài giảng powerpoint.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 5’ | **1. Khởi động**  - GV cho HS chơi trò chơi ô cửa bí mật (đọc và trả lời các câu hỏi ở bài: Cau)  - GV yêu cầu HS đọc tên bài và quan sát bức tranh minh họa trong bài.  - GV giới thiệu bài:  *Trong bức tranh, các em thấy hai người đàn ông đang nói chuyện với nhau. Người mặc áo xanh xua tay như đang từ chối điều gì đó. Để biết họ là ai và đang nói chuyện gì, các em hãy đọc bài “Một người chính trực” để cùng nhau tìm hiểu những điều đó nhé!*  - GV ghi tên bài học: ***Đọc 2 – Một người chính trực*** | - HS tham gia trò chơi.  - HS quan sát, trả lời.  - HS lắng nghe. |
| 18’ | **2. Hoạt động hình thành kiến thức**   * ***Hoạt động 1: Đọc thành tiếng***   - GV đọc mẫu toàn bài: giọng thong thả, nhẹ nhàng. Đọc rõ tên các vị vua, quan và các chức vụ có trong triều đình. Nhấn giọng, gây ấn tượng ở những từ ngữ quan trọng hoặc mới lạ đối với học sinh: chính trực, di chiếu, phò tá, thái hậu, tham tri chính sự, giản nghị đại phu, tiến cử. Giọng đọc chậm rãi ở cuối câu.  - HD chung cách đọc toàn bài.  - GV chia đoạn: 3 đoạn  + Đoạn 1: *Từ đầu ... vua Lý Cao Tông.*  + Đoạn 2: *Tiếp đến* .... *tới thăm Tô Hiến Thành được*.  + Đoạn 3 : *Phần còn lại.*  - GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn kết hợp luyện đọc từ khó.  *-* Luyện đọc theo đoạn: GV tổ chức cho HS luyện đọc nối tiếp đoạn theo nhóm 3.  - GV nhận xét các nhóm.  - Yêu cầu HS đọc và giải nghĩa từ ngữ ở phần chú giải trong SGK  - 1 HS năng khiếu đọc toàn bài.   * ***Hoạt động 2: Tìm hiểu bài***   - GV gọi HS đọc nối tiếp lần lượt 5 câu hỏi trong SGK.  *-*GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.  \* GV theo dõi, hỗ trợ HS gặp khó khăn và lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  - GV cho HS trả lời các câu hỏi bằng bình thức trò chơi phỏng vấn:  + Tô Hiến Thành đã thể hiện sự chính trực như thế nào trong việc thực hiện di chuyển của vua Lý Anh Tông ?  + Khi Tô Hiến Thành lâm bệnh nặng. Đỗ thái hậu và vua hỏi ông điều gì? Ông trả lời thế nào?  + Vì sao thái hậu ngạc nhiên khi biết sự lựa chọn của Tô Hiến Thành?  + Tô Hiến Thành giải thích như thế nào về sự lựa chọn của mình?  + Qua lời giải thích của Tô Hiến Thành, em có suy nghĩ gì về tính cách của ông?  - GV hỏi thêm: *Qua bài đọc, em hiểu điều gì về ông Tô Hiến Thành?*  - GV nhận xét, gọi 2 – 3 HS nhắc lại nội dung bài.  - GV GDHS cần phải thật thà, ngay thẳng trong học tập và cả trong cuộc sống; mạnh dạn, tự tin nói lên ý kiến của mình. | - HS lắng nghe kết hợp theo dõi trong SGK.  - HS lắng nghe cách đọc.  - Theo dõi.  - HS đọc nối tiếp theo đoạn kết hợp phát hiện và luyện đọc từ khó.  - HS luyện đọc theo nhóm 3.  - Hỏi đáp phần chú giải trong SGK theo cặp đôi. Phát hiện và giải nghĩa thêm 1 số từ khác (nếu có).  - Lớp theo dõi, đọc thầm.  - HS đọc tiếp nối 5 câu hỏi; các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.  - Theo dõi.  *\* Dự kiến kết quả chia sẻ:*  + Bà Chiêu Linh thái hậu muốn lập con mình là Long Xưởng lên ngôi nên cho người đem vàng bạc đút lót vợ Tô Hiến Thành để nhờ ông giúp đỡ. Nhưng ông nhất định không nghe, cứ theo di chiếu lập thái tử Long Cán làm vua.  + Đỗ thái hậu và vua hỏi Tô Hiến Thành định tiến cử ai thay ông. Ông tiến cử gián nghị đại phu Trần Trung Tá.  + Vì thái hậu nghĩ rằng ông sẽ tiến cử tham tri chính sự Vũ Tán Đường. Khi ông bị bệnh, Vũ Tán Đường đã chăm sóc ông rất tận tụy.  + Ông chọn người tài ba giúp nước chứ không chọn người hầu hạ giỏi.  + Ông là một người hết sức chính trực, thẳng thắn, hết lòng vì dân vì nước.  - HS nói theo suy nghĩ cá nhân. VD: Ông là người tài giỏi, được nhà vua hết sức tin cậy.Trong mọi việc, ông luôn thể hiện sự chính trực, ngay thẳng, một lòng trung thành với vua, luôn nghĩ cho nhân dân, cho đất nước. Ông rất dũng cảm, quyết tâm làm theo lẽ phải.  -2 -3 HS nhắc lại nội dung bài.  - HS lắng nghe. |
| 7’ | **3. Hoạt động luyện đọc nâng cao**  - Tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm bàn.  - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm trước lớp.  - GV nhận xét HS đọc bài, tuyên dương, khích lệ HS. | - HS luyện đọc đọc theo nhóm bàn.  - Thi đọc diễn cảm trước lớp.  - Nhận xét bạn đọc và bình chọn bạn đọc tốt nhất. |
| 5’ | **4. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  - GV yêu cầu HS nêu cảm nhận qua bài học  - GV yêu cầu HS nêu các tấm gương về trung thực trong cuộc sống mà em biết.  - GV dặn dò HS chuẩn bị bài tiếp theo.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS nêu.  - HS nêu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 24**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TOÁN**

**THẾ KỈ**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: HS tích cực, chủ động suy nghĩ để hoàn thành các bài tập.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận với bạn bè về các hiểu biết về thế kỉ.
* Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến thế kỉ.

1. **Năng lực đặc thù**

* HS nhận biết được thế kỉ cũng là một đơn vị đo thời gian và xác định được một năm thuộc thế kỉ nào.
* Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến thế kỉ.

1. **Phẩm chất**

* Biết chăm chỉ học tập nghiêm túc.
* Biết quý trọng thời gian.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: SGK và băng giấy vẽ sơ đồ về năm sinh của mỗi người trong gia đình như trong tranh khởi động (nhằm gợi nên biểu tượng về trục thời gian).

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 5’ | **1. Khởi động**  - Yêu cầu hs mở SGK, đọc câu hỏi của chú voi.  *Để trả lời được câu hỏi của chú voi.*  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 trả lời các câu hỏi:  + Trục thời gian cho biết bố, mẹ, anh Hà, Dung sinh năm nào?  + Các thành viên trong gia đình bạn sinh năm nào?  - Yêu cầu HS chia sẻ trước lớp.  - Năm nay là năm bao nhiêu?  - GV nhận xét: Qua trục thời gian, các em đã biết năm sinh của Bố, mẹ, anh Hà, Dung. Các em cũng đã kể cho nhau nghe những người thân trong gia đình mình sinh năm nào. Vậy năm đó thuộc thế kỉ nào? Chúng ta đang sống ở thế kỉ nào? Để trả lời được câu hỏi của bạn Voi, chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay: Thế kỉ  - GV viết bảng. | - Chúng ta đang sống ở thế kỉ nào?  + Trục thời gian cho biết bố sinh năm 1983; mẹ sinh năm 1986; Anh Hà sinh năm 2009; Dung sinh năm 2014.  - HS trả lời trong nhóm.  - 1 HS điều khiển cho các bạn chia sẻ.  - Năm 2023  - HS viết vào vở. |
| 7’ | **2. Hoạt động hình thành kiến thức**  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, đọc thông tin trong sách và trả lời các câu hỏi:  + Năm 101 thuộc thế kỉ thứ mấy?  + Năm 2023 thuộc thể kỉ thứ mấy?  + Thế kỉ X kéo dài từ năm nào đến năm nào?  + Thế kỉ XV kéo dài từ năm nào đến năm nào?  - GV nhận xét.  - Mời HS nhắc lại 1 thế kỷ bằng bao nhiêu năm? 100 năm bằng bao nhiêu thế kỉ?  + Em có nhận xét gì về cách ghi tên thế kỉ?  - Để nhận biết một năm thuộc thế kỉ nào. Chúng ta có thể làm dựa vào trục thời gian, …. (giáo viên trình chiếu giải thích)  \* GV chốt: Thế kỉ là một đơn vị đo thời gian lớn nhất, 1 thế kỉ =100 năm, người ta dùng chữ số la mã để ghi tên thế kỉ.  *Để giúp các em xác định được một năm thuộc thế kỉ nào và hiểu một số vấn đề thực tiễn liên quan đến thế kỉ.Chúng ta cùng đến với phần luyện tập.* | **-** HS đọc: **1 thế kỷ = 100 năm**  \* Từ năm 1 - năm 100 là thế kỉ thứ I  \* Từ năm 101 - năm 200 là thế kỉ thứ II  …  \* Từ năm 1901 - năm 2000 là thế kỉ thứ XX  \* Từ năm 2001 - năm 2100 là thế kỉ thứ XXI  - HS hỏi và trả lời  + Năm 101 thuộc thế kỷ thứ II  + Năm 2023 thuộc thế kỷ thứ XXI  + Thế kỉ X kéo dài từ năm 901 - 1000  + Thế kỉ XV kéo dài từ năm 1501 - 1600  - HS lắng nghe.  **-** 1 thế kỉ = 100 năm; 100 năm = 1 thế kỉ  - Tên thế kỉ ghi bằng chữ số La Mã.  - HS lắng nghe. |
| 15’ | **3. Hoạt động luyện tập - thực hành**   * **Bài 1:**   **-** Yêu cầu HS đọc đề bài.  - Yêu cầu HS làm cá nhân - trao đổi nhóm 2 - chia sẻ trước lớp theo câu hỏi:  + Mỗi người trong gia đình bạn Dung sinh năm nào? Năm đó thuộc thế kỉ nào?  + Hiện tại đang là năm bao nhiêu? Thuộc thế kỉ nào?  - Yêu cầu HS chia sẻ trước lớp.  - GV nhận xét.  \* GV chốt: Bài tập 1 giúp em hiểu thêm điều gì?  + Các em hãy trả lời câu hỏi của bạn Voi: Chúng ta đang sống ở thế kỉ nào ?  *Để hiểu hơn mối quan hệ giữa năm và thế kỉ, chúng ta chuyển sang Bài 2.*   * **Bài 2:**   **-** Yêu cầu HS đọc đề bài.  - Yêu cầu HS làm cá nhân - trao đổi nhóm 2 - chia sẻ trước lớp.  - Khuyến khích HS có thể nêu thêm ví dụ về năm và thế kỉ theo bài 2.  -GV nhận xét.  \* GV chốt: Bài 2 giúp em biết điều gì ?  *Những sự kiện lịch sử đáng nhớ của dân tộc ta diễn ra vào thế kỉ nào. Các em cùng tìm hiểu qua bài tập 3.*   * **Bài 3:**   **-** Yêu cầu HS đọc đề bài.  - Yêu cầu HS làm cá nhân - trao đổi nhóm 2 làm miệng - chia sẻ trước lớp.  **- Yêu cầu HS chia sẻ trước lớp.**  **\* GV chốt: Bài tập 3 giúp em hiểu thêm điều gì?**  ***Ngoài các sự kiện lịch sử, cuộc cách mạng công nghiệp trên thế giới được đánh dấu ở những khoảng thời gian nào, Thế kỉ bao nhiêu. Chúng ta cùng tìm hiểu qua Bài 4.***   * **Bài 4:**   -Yêu cầu HS đọc đề bài.  - Giải thích ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp.  - Yêu cầu HS làm cá nhân - trao đổi nhóm 2 làm miệng - chia sẻ trước lớp.  - Yêu cầu HS chia sẻ trước lớp.  - GV nhận xét.  \* GV chốt: Bài tập 4 giúp em hiểu thêm điều gì?  *Để giúp các em vận dụng cách xác định một năm thuộc thế kỉ nào vào cuộc sống.* | - HS đọc.  - HS suy nghĩ trả lời cá nhân.  - Nhóm 2 hỏi và trả lời:  + Bố Dung sinh năm 1983, năm đó thuộc thế kỉ XIX  + Mẹ Dung sinh năm 1986, năm đó thuộc thế kỉ XIX  + Anh Hà sinh năm 2009, năm đó thuộc thế kỉ XXI  + Dung sinh năm 2014, năm đó thuộc thế kỉ XXI  + Hiện tại là năm 2023, thuộc thế kỉ XXI  - Vài nhóm chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe.  - Em biết xác định một năm thuộc thế kỉ nào.  - Chúng ta đang sống ở thế kỉ thứ XXI  - HS đọc đề bài.  - Nhóm 2 trao đổi kết quả, giải thích cách làm.  1 thế kỉ = 100 năm  4 thế ki = 400 năm  100 năm = 1 thế kỉ  9 thế kỉ = 900 năm  - Giải thích cách làm:  1 thế kỉ =100 năm. Vậy 4 thế kỉ = 100 x 4 = 400 năm  1 thế kỉ =100 năm. Vậy 9 thế kỉ = 100 x 9 = 900 năm  - Biết chuyển đổi thế kỉ thành năm và năm thành thế kỉ.  - HS đọc.  - HS suy nghĩ trả lời cá nhân.  - Nhóm 2 hỏi và trả lời:  a)  + Bà Triệu (Triệu Thị Trinh) sinh năm 226. Năm đó thuộc thế kỉ nào?  -> thế kỉ thứ III  + Bà lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống quân Ngô năm 248, khi đó bà bao nhiêu tuổi?  -> 248 – 226 = 22 tuổi  b)  + Lễ kỉ niệm 600 năm ngày sinh của anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi được tổ chức vào năm 1980. Nguyễn Trãi sinh năm nào? Thuộc thế kỉ nào?  -> Ta có: 1980 – 600 = 1380. Như vậy, Nguyễn Trãi sinh năm 1380 thuộc thế kỉ XIV  c) Bác Hồ sinh năm 1890. Như vậy, Bác Hồ sinh vào thế kỉ nào?  -> Bác Hồ sinh vào thế kỉ XIX  - 1 HS điều khiển hỏi, mời các bạn trả lời từng ý trước lớp.  - Biết thêm về các sự kiện, nhân vật lịch sử diễn ra vào thế kỉ nào.  - HS đọc.  - HS lắng nghe, phản hồi nếu chưa hiểu.  - HS suy nghĩ trả lời cá nhân.  - Nhóm 2 hỏi và trả lời:  + Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất thuộc thế kỉ nào?  -> thế kỉ XVIII  + Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai thuộc thế kỉ nào?  -> thế kỉ XIX  + Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba thuộc thế kỉ nào?  -> thế kỉ XX  + Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư thuộc thế kỉ nào?  -> thế kỉ XXI  - 1 HS điều khiển hỏi, mời các bạn trả lời.  - Biết thêm về các cuộc cách mạng công nghiệp trên thế giới. |
| 5’ | **4. Hoạt động vận dụng**   * **Bài 5:**   - Yêu cầu HS đọc đề bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 2 chơi trò chơi “Đố bạn”.  - Yêu cầu HS chia sẻ trước lớp.  - GV nhận xét.  \* GV chốt: Bài tập 5 giúp em hiểu thêm điều gì? | - HS đọc.  - Nhóm 2 hỏi và trả lời.  - 1 HS điều khiển lớp chia sẻ.  - Biết thêm các sự việc trong cuộc sống diễn ra vào thế kỉ nào. |
| 3’ | **5. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  **- GV cho HS nêu cảm nhận hôm nay biết thêm điều gì? Thuật ngữ toán học nào chúng ta cần nhớ?**  **- Để biết một năm thuộc thế kỉ bao nhiêu ta làm thế nào?**  **- Nhận xét tiết học.**  **- Chuẩn bị bài: Bài toán liên quan đến rút về đơn vị** | - Em biết thêm một đơn vị đo thời gian là Thế kỉ. Thuật ngữ 1 thế kỉ = 100 năm  Năm … thuộc thế kỉ thứ …  Thế kỉ … từ năm … đến năm …  - Em cần xác định được từ năm nào đến năm nào là thế kỉ bao nhiêu. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 34**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐỀ: MĂNG NON**

**BÀI 3: NHƯ MĂNG MỌC THẲNG**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU: NHÂN HOÁ**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Biết chủ động suy nghĩ để đưa ra câu trả lời theo quan điểm cá nhân.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết nhận xét, trao đổi ý kiến với các bạn, tự tin trong giao tiếp.
* Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tham gia trò chơi, vận dụng.

1. **Năng lực đặc thù**

* Năng lực ngôn ngữ:

+ Hiểu biện pháp tu từ nhân hóa.

+ Nhận biết các biện pháp nhân hóa trong các bài văn, bài thơ, câu chuyện, vở kịch,…

+ Biết các câu văn có sử dụng biện pháp nhân hóa.

* Năng lực văn học:

+ Nhận biết tác dụng của biện pháp nhân hóa trong việc tăng tính gợi hình, gợi tả cho bài văn, bài thơ.

+ Biết sử dụng từ ngữ nhân hóa để đặt câu tả con vật, cây cối một cách gợi tả, giàu hình ảnh.

1. **Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Chăm chỉ làm bài tập, trả lời các câu hỏi trong bài.
* Trách nhiệm: Hoàn thành nhiệm vụ học tập theo yêu cầu của GV: nhận xét ngữ liệu, tìm hiểu bài học, luyện tập vận dụng.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: slide bài giảng, phiếu bài tập.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 5’ | **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho HS hát và múa khởi động  - Gv giới thiệu bài mới: Nhân hóa | - HS hát.  - HS lắng nghe. |
| 10’ | **2. Hoạt động hình thành kiến thức**   * ***Hoạt động 1: Nhận xét***   - Gọi HS đọc yêu cầu bài, cả lớp đọc thầm.  - GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi vào phiếu bài tập  - GV gọi 3 - 4 nhóm trình bày kết quả.  + Các sự vật “ trời”, “mây”, “sấm” được gọi bằng những từ ngữ nào?  + Các sự vật trên và “trăng”, “sao”, “ đất” được tả bằng những từ ngữ nào?  - GV gọi HS nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương.   * ***Hoạt động 2: Rút ra bài học***   - Gọi HS đọc to bài học.  - GV giải thích kĩ hơn về nội dung bài học; giúp học sinh phân biệt rõ 3 kiểu nhân hóa khác nhau.  - GV hướng dẫn HS đọc lại bài Ông trời bật lửa để xác định 3 kiểu nhân hóa.  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, nhắc lại thông tin chính để khắc sâu nội dung bài học.  - GV mời HS nhắc lại và lấy thêm ví dụ về nhân hóa.  - GV nhận xét và tổng kết. | - 1 HS đọc.  - HS làm việc theo nhóm đôi vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả  + Bằng những từ ngữ chỉ người: ông trời, chị mây, ông sấm  + Bằng những từ ngữ thương dùng để tả con người: ông trời bật lửa, chị mây kéo đến; ông sấm vỗ tay cười…  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe.  - 2 HS đọc, cả lớp đọc thầm theo.  - HS lắng nghe.  - 3 HS đọc.  - HS làm việc nhóm đôi, nhắc lại thông tin.  + Gọi sự vật bằng từ ngữ dùng để gọi người: Bác gà trống, chị thỏ nâu, em cún, chị tre, nàng mây,..  + Tả sự vật bằng những từ ngữ tả người: Cái na đã tỉnh giấc rồi/ Đàn chuối đứng vỗ tay cười, vui sao! Chị tre chải tóc bên ao / Nàng mây áo trắng ghé vào soi gương…  + Nói với sự vật như nói với người: Trâu ơi ta bảo trâu này,…  - 4 HS nhắc lại. |
| 15’ | **3. Hoạt động luyện tập, thực hành**   * ***Hoạt động 1: Tìm biện pháp nhân hóa trong hai khổ thơ cuối của bài thơ (BT1)***   - GV mời 2 HS đọc lại 2 khổ thơ trích từ bài Cau.  - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm 2 khổ thơ, thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi.  - GV mời 1 - 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp.  - GV nhận xét.   * ***Hoạt động 2: Nêu tác dụng của biện pháp nhân hóa trong hai khổ thơ của bài thơ “Cau” (BT2)***   - GV mời 2 HS đọc lại 2 khổ thơ trích từ bài Cau.  - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm 2 khổ thơ, thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi.  - GV mời 1 - 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp.  - GV nhận xét.   * ***Hoạt động 3: Viết 1-2 câu có sử dụng hình ảnh nhân hóa (BT3)***   - GV gọi 1HS đọc yêu cầu BT3.  -GV phân tích câu mẫu, hướng dẫn cho HS nhận biết sự vật được nhân hóa và các từ ngữ nhân hóa trong câu.  - GV yêu cầu HS đọc lại bài học về biện pháp nhân hóa, sau đó làm việc cá nhân.  - GV mời 2 - 3 HS đọc to câu văn đã viết trước lớp.  - GV mời HS nhận xét.  - GV nhận xét và tuyên dương. | - 2 HS đọc.  - HS lắng nghe và thực hiện.  - 2 HS trả lời: Trong 2 khổ thơ, tác giả đã dùng các từ ngữ con người để tả cây cau (khiêm nhường, mảnh khảnh, da, tấm lòng, thơm thảo, thương yêu).  - 2 HS đọc.  - HS lắng nghe và thực hiện.  - 2 HS trả lời: Biện pháp nhân hóa trong hai khổ thơ khiến cho hình ảnh cây cau trở nên sống động và thân mật, gần gũi với con người.  - HS lắng nghe.  - 1 HS đọc, cả lớp đọc thầm theo.  - HS lắng nghe.  -3 HS đọc trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.  - 3 HS đọc.  + Chú ếch con đang học bài.  + Cây xanh đang vươn mình đón nắng.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe. |
| 5’ | **4. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  **-** GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi truyền điện: Đặt câu chứa hình ảnh nhân hóa  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết học. | - HS tham gia trò chơi.  - HS lắng nghe. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 09**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ**

**BÀI 3: THIÊN NHIÊN VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ**

**(TIẾT 2)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Tự đọc thông tin, quan sát tranh, xem video tự đưa được ra phương án giải quyết các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm, trình bày được kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đưa ra được lời khuyên phù hợp để bảo đảm sức khỏe và phòng chống thiên tai.

1. **Năng lực đặc thù**

* Nhận thức khoa học LS&ĐL: Xác định được vị trí địa lí, một số địa danh trên lược đồ. Xác định được một số địa danh tiêu biểu (ví dụ: dãy núi Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan-xi-păng, cánh cung Sông Gâm, cao nguyên Mộc Châu, cao nguyên Sơn La...) của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.
* Tìm hiểu LS&ĐL: Quan sát lược đồ, tranh ảnh, mô tả được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi, ...) của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
* Vận dụng kiến thức, kĩ năng: Nêu được một cách đơn giản ảnh hưởng của vị trí địa lí, địa hình, khí hậu, sông ngòi đối với đời sống và sản xuất của người dân ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
* Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

1. **Phẩm chất**

* Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai.
* Chăm chỉ: Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập và luôn tự giác tìm hiểu, khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên:

+ Powerpoint minh hoạ cho bài học.

+ Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam khổ to, in sẵn khổ A0 dùng cho các nhóm.

+ Lược đồ hình 1 trang 15 SGK phóng to.

+ Tranh ảnh, video về phong cảnh về dãy Hoàng Liên Sơn, vùng trung du và một số cao nguyên nổi tiếng như: Đồng Văn (tỉnh Hà Giang) Mộc Châu (tỉnh Sơn La)...

+ Tranh ảnh một số thiên tai: lũ quét, sạt lở đất, giá rét...

* Học sinh:

+ Sưu tầm một số bức ảnh về phong cảnh, ảnh tuyết rơi ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.

+ Đọc trước phần Vận dung, hỏi ý kiến người thân hoặc tìm kiếm các thông tin liên quan đến một trong hai nhiệm vụ để giải quyết nhiệm vụ ghi chép sẵn ra vở ghi chép cá nhân.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 5’ | **1. Khởi động**  \* Chiếu video bài hát “Xin chào Việt Nam”, dẫn dắt giới thiệu về nội dung video và chương trình *LS&ĐL Lớp 4.*  \* Yêu cầu HS mở phần mục lục, hỏi HS các chủ đề tương ứng với các vùng miền của nước ta.  Trình chiếu kết hợp giới thiệu.  \* Dẫn vào bài học:  - Nêu câu hỏi ở phần Khởi động trang 14 SGK.  + Em hãy cho biết đỉnh núi nào cao nhất nước ta?  + Đỉnh núi đó thuộc vùng nào của Việt Nam?  + Hãy chia sẻ hiểu biết về thiên nhiên vùng đất này.  - Mời 2 - 4 HS trả lời các câu hỏi.  - Nhận xét.  - Giới thiệu chủ đề, khuyến khích HS thực hiện dự án tổng hợp sản phẩm học tập sau chủ đề thành bộ sưu tập.  - Giới thiệu bài học. | - Xem video.  - Cá nhân đọc.  - 2 HS nêu.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Suy nghĩ, thi đua trả lời.  - 2 - 4 HS trả lời.  - Cá nhân nghe, quan sát. |
| 12’  13’ | **2. Hoạt động khám phá: Ảnh hưởng của thiên nhiên đối với đời sống và sản xuất**   * ***Hoạt động 1: Khám phá những ảnh hưởng của thiên nhiên đối với đời sống và sản xuất***   - Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 6  - Nhiệm vụ: Đọc thông tin và quan sát tranh ảnh một số thiên tai (nếu có), em hãy nêu ảnh hưởng của vị trí địa lí, địa hình, khí hậu, sông ngòi đối với đời sống và sản xuất của người dân.  - GV gợi ý: Tìm những thuận lợi, khó khăn của địa hình, khí hậu, sông ngòi đối với đời sống và sản xuất.  - Nêu những dẫn chứng cụ thể cho thuận lợi và khó khăn về thiên nhiên nơi đây.  - GV nhận xét phần thảo luận, trình bày và tương tác của các nhóm, khen các nhóm tương tác tích cực.  - GV kết luận: Thiên nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều thuận lợi nhưng cũng gây ra không ít khó khăn đối với đời sống, sản xuất:  + Thuận lợi: địa hình đa dạng, khí hậu có mùa đông lạnh, cao nguyên có nhiều đồng cỏ, sông dốc, nhiều nước.  + Khó khăn: địa hình dốc, phức tạp, có nhiều thiên tai...   * ***Hoạt động 2: Một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai***   \* Tổ chức cho HS làm việc nhóm 6.  - GV giao nhiệm vụ học tập: Đọc thông tin, kết hợp với vốn hiểu biết của bản thân, hãy đưa ra một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  + GV chọn một số sản phẩm của nhóm và mời đại diện nhóm lên trình bày kết quả làm việc.  - GV nhận xét, tổng kết kết quả làm việc của các nhóm.  - GV giáo dục cho HS ý thức bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai. | - Cá nhân nghe, quan sát.  - Cá nhân nhận nhiệm vụ.  - Cá nhân thực hiện nhiệm vụ.  - Thảo luận nhóm 6.  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp kết hợp chia sẻ - *hình thức:* ***Phóng viên***  Các nhóm khác tương tác các thắc mắc, bổ sung thêm.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Cá nhân nhận nhiệm vụ.  - Cá nhân thực hiện nhiệm vụ.  - Thảo luận nhóm 6.  - Các nhóm trưng bày sản phẩm làm việc của nhóm mình xung quanh lớp.  - HS lần lượt tham quan tất cả các sản phẩm.  - Một số đại diện trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Cá nhân nghe, quan sát. |
| 5’ | **3. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  - GV yêu cầu HS xem lại bài, nêu lại nội dung chính của bài học.  - GV hướng dẫn HS hoàn thiện sản phẩm cho dự án về từng miền.  - GV dặn HS:  + Hoàn thiện nốt phần còn làm dở, sưu tầm thêm tranh ảnh, tìm hiểu thêm các thông tin liên quan đến bài học.  + Chuẩn bị cho bài sau: Thiên nhiên vùng trung du và miền núi Bắc Bộ (tiết 3). | - Cá nhân xem lại bài.  - 2 - 3 HS nêu lại nội dung chính của bài.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Cá nhân nghe, quan sát, thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 10**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

**ÔN TẬP ĐỘNG TÁC ĐI ĐỀU MỘT HÀNG DỌC VÒNG BÊN TRÁI**

**(TIẾT 2)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Tự xem trước khẩu lệnh, cách thực hiện động tác đi đều nhiều hàng dọc vòng bên phải trong sách giáo khoa.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thông qua các hoạt động nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi

1. **Năng lực đặc thù**

* Ôn động tác đi đều nhiều hàng dọc vòng bên trái. HS biết thực hiện được khẩu lệnh và cách thức thực hiện động tác, biết điều khiển tổ nhóm và giúp đỡ bạn tập luyện để thực hiện nhiệm vụ học tập.
* Năng lực chăm sóc sức khoẻ: Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện. Biết điều chỉnh trang phục để thoải mái và tự tin khi vận động, biết điều chỉnh chế độ dinh dưỡng đảm bảo cho cơ thể.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua việc học tập tích cực, chủ động tiếp nhận kiến thức và tập luyện.
* Tự giác, tích cực trong tập luyện; Yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm và trung thực.

1. **Phẩm chất**

* Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.
* Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: tranh ảnh động tác đi đều nhiều hàng dọc vòng bên phải, trang phục thể thao, còi phục vụ trò chơi.
* Học sinh: giày thể thao,…

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **LV Đ** | | **Phương pháp, tổ chức và yêu cầu** | |
| **TG** | **SL** | **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **I. Hoạt động mở đầu**  **1. Nhận lớp**  **2. Khởi động**.  - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,...  **3. Trò chơi. Cánh quạt vui nhộn**  tc kđ bài 3  **II. Hoạt động hình thành kiến thức.**  **1. Ôn động tác đi đều một hàng dọc vòng bên trái**  LUYỆN TẬP  **2.Hoạt động luyện tập.**  **2.1.Tập đồng loạt**  - Tập động tác theo nhịp đếm chậm và động tác mẫu của GV  - Tập theo nhịp hô đếm nhanh, chậm của GV.  **2.2.Tập theo tổ nhóm.**  **2.3.Tập cá nhân**  **3.Trò chơi** “Vòng tròn siêu tốc”  TRÒ CHƠI KẾT THÚC 3  **III. Vận dụng**  - Thả lỏng cơ toàn thân.  - Củng cố hệ thống bài học.  - Nhận xét và hướng dẫn tập luyện ở nhà.  - Xuống lớp. | 5-7’  20-22’  4-6’ | 1-2L  1-2L  1-2L  1-2L  1-2L  1-2L  1L | - Nghe cán bộ lớp báo cáo.  - Hỏi về sức khỏe của Hs.  - Cô trò chúc nhau.  - Phổ biến nội dung, nhiệm vụ và yêu cầu giờ học.  - GV di chuyển và quan sát, chỉ dẫn cho HS thực hiện.  - Gv tổ chức Hs chơi trò chơi.  - Cho HS quan sát tranh  - GV làm mẫu động tác kết hợp phân tích kĩ thuật động tác.  - Hô nhịp và thực hiện động tác mẫu, hướng dẫn Hs thực hiện đt.  - Gv quan sát, uốn nắm và sửa sai cho Hs.  - Gv hô nhịp 1 lần và giao cán sự lớp hô.  - Hs tập theo Gv.  - Gv quan sát, sửa sai cho Hs.  - Yêu cầu Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực.  - Gv quan sát, uốn nắn, sửa sai cho Hs.  - luyện tập theo khu vực.  - Gv quan sát, uốn nắn, sửa sai cho Hs.  - GV nêu tên trò chơi, phổ biến luật chơi, cách chơi.  - Cùng hs nhắc lại luật chơi và cách chơi.  - Cho Hs chơi thử.  - Tổ chức cho Hs chơi.  - GV hướng dẫn.  - Gv cùng hs hệ thống lại bài.  - Nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của Hs.  - HD sử dụng SGK để Hs ôn lại bài và chuẩn bị bài sau. | - Cán sư tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp học cho Gv.    GV  \* \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  -Cán sự điều khiển lớp khởi động .  - Hs chơi đúng luật, nhiệt tình sôi nổi và đảm bảo an toàn.  tc kđ bài 3  - Hs lắng nghe, tiếp thu và ghi nhớ.  - Tập luyện theo sự hướng dẫn của Gv.    - Hs tiến hành tập luyện theo sự hướng dẫn của Gv và cán sự lớp.  - Hs thay phiên nhau hô nhịp.  LUYỆN TẬP  Hs nhắc lại luật chơi, cách chơi.  - Hs tiến hành chơi trò chơi dưới sự chỉ huy của Gv.  - Chơi trò đúng luật, nhiệt tình, sôi nổi và an toàn.  - HS thực hiện thả lỏng  - Hs cùng Gv hệ thống lại bài (HS quan sát SGK (tranh) trả lời)  GV  \* \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  - HS tập chung thực hiện theo hướng dẫn của GV và nhận hướng dẫn tập luyện ở nhà. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Ngày dạy: 11/10/2024**

**Tiết: 35**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐỀ: MĂNG NON**

**BÀI 3: NHƯ MĂNG MỌC THẲNG**

**BÀI VIẾT 2: LUYỆN TẬP TẢ CÂY CỐI**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết thảo luận nhóm về nội dung và cấu trúc của bài văn miêu tả cây cối.
* Năng lực tự chủ và tự học: Biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: tóm tắt bài văn theo các ý chính; quan sát và ghi lại kết quả quan sát một cây hoa (hoặc cây ăn quả, cây bóng mát, cây lương thực, cây cảnh).
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng những kiến thức đã học để tìm tòi, mở rộng, giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

1. **Năng lực đặc thù**

* Năng lực ngôn ngữ:

+ Biết tóm tắt bài văn để tìm ra các ý chính của bài.

+ Biết quan sát và ghi lại kết quả quan sát một cây hoa (hoặc cây ăn quả, cây bóng mát, cây lương thực, cây cảnh).

* Năng lực văn học: Biết cảm thụ vẻ đẹp của những từ ngữ gợi tả, những câu văn giàu hình ảnh.

1. **Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Chăm chỉ luyện viết, rèn tính cẩn thận.
* Trách nhiệm: Hoàn thành nhiệm vụ học tập thep yêu cầu của GV.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: Bài giảng powerpoint.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 5’ | **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho HS hát bài hát  - GV dẫn dắt vào bài mới: Trong tiết học trước, các em đã được đọc các bài văn Cây bàng và Cây si, đồng thời được tìm hiểu cấu tạo của bài văn tả cây cối. Trong bài hôm nay, các em sẽ vận dụng những kiến thức đã học để tóm tắt bài văn tả cây cối, sau đó quan sát và ghi lại kết quả quan sát một cây hoa ( hoặc cây ăn quả, cây bóng mát, cây lương thực, cây cảnh) mà em yêu thích. | - HS hát.  - HS lắng nghe. |
| 25’ | **2. Hoạt động luyện tập**   * ***Hoạt động 1: Tóm tắt bài văn Cây si theo bố cục 3 phần (BT1)***   - Gọi HS đọc yêu cầu bài, cả lớp đọc thầm.  - GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 2 và gọi đại diện các nhóm lên trình bày.    - GV gọi HS nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương.   * ***Hoạt động 2: Quan sát và ghi lại kết quả quan sát cây (BT2)***   *2.1. Quan sát*  - GV mời 1 HS đọc to yêu cầu BT2.  - GV hướng dẫn HS tiến hành quan sát theo các gợi ý trong BT2:  a) GV có thể đưa HS ra vườn trường hoặc sân trường, quan sát các cây trong thực tế. Trong trường hợp không thể quan sát cây trong thực tế, GV yêu cầu mỗi HS đưa ra bức tranh/ảnh đã chuẩn bị trước về một cây hoa (hoặc cây ăn quả, cây bóng mát, cây lương thực, cây cảnh) mà HS thích và tiến hành quan sát cây đó.  b) GV hướng dẫn HS làm việc nhóm đôi, quan sát các chi tiết sau:  - Quan sát hình dáng của cây.  - Quan sát các bộ phận của cây.  - GV yêu cầu HS tự quan sát cây theo hướng dẫn của GV, trao đổi với bạn cùng nhóm kết quả quan sát của mình.  c) GV hướng dẫn HS làm việc nhóm đôi, nhận biết cách thức quan sát cây.  d) GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, ghi lại vắn tắt kết quả quan sát.  - GV chuẩn bị cây hoa (có gốc, cành, lá), một chậu hoa viền giấy màu có dòng chữ “Ai chăm, ai ngoan?”; băng dính 2 mặt, giấy màu (nhiều màu)  - GV nhận xét và tuyên dương.  *2.2. Trao đổi về kết quả quan sát*  - GV yêu cầuHS trao đổi với bạn cùng nhóm đôi về kết quả quan sát của mình  - GV mời một vài HS đọc to kết quả quan sát vừa ghi chép.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc.  - HS làm việc theo nhóm 2 và đại diện các nhóm trình bày:  MB: Cây si luôn già hơn những cây khác.  TB: Lá: nhỏ, nhiều, cho bóng mát rượi, không rụng hàng loạt, xanh tươi quanh năm.  KB: Cây si có ích lợi với con người: Lá si cho bóng mát, còn rễ si khiến trẻ nhớ về ông nội, ông ngoại.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe.  - HS đọc.  - HS lắng nghe.  - HS làm việc nhóm đôi.  - HS tự quan sát theo hướng dẫn của GV, trao đổi với bạn.  - HS lắng nghe và thực hiện:  + HS quan sát bằng mắt, bằng tay, bằng mũi ( nếu quan sát cây cối trong thực tế).  + HS quan sát bằng mắt ( nếu xem tranh/ảnh về cây).  - HS trao đổi nhóm đôi.  - 4 HS đọc bài làm.  -HS lắng nghe. |
| 5’ | **3. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  **-** GV yêu cầu HS nêu cảm nghĩ sau khi viết bài  - GV nhận xét tiết học, tuyện dương. | - HS nêu.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 25**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TOÁN**

**BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN RÚT VỀ ĐƠN VỊ**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực giao tiếp và hợp tác: trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

1. **Năng lực đặc thù**

* Biết cách giải “ Bài toán liên quan đến rút về đơn vị” và vận dụng giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản.

1. **Phẩm chất**

* Trách nhiệm: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
* Chăm chỉ: Chịu khó học hỏi, chủ động hoàn thành các yêu cầu từ giáo viên.
* Trung thực: Trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên:

+ Chuẩn bị một số tình huống đơn giản dẫn tới nhu cầu tính giá trị một phần (một đơn vị đo đại lượng như độ dài, khối lượng, giá cả, …).

+ Bảng phụ, phiếu học tập.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 5’ | **1. Khởi động**  - GV yêu cầu quan sát tranh (trang 41) và cho biết tranh vẽ gì? Hai bạn nói gì với nhau?  + Theo em giá tiền 1 chiếc bút là bao nhiêu?  + Em làm thế nào để biết 1 chiếc bút giá 6000 đồng?  - GV nhận xét.  \* GV giới thiệu bài: Như vậy là các em đã trả lời đúng câu hỏi của bạn gái. Giá tiền 1 chiếc bút là 6000 đồng. Vậy muốn mua 8 chiếc bút như thế cần bao nhiêu tiền. Chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay: Bài toán liên quan đến rút về đơn vị.  - GV ghi bảng. | - Tranh vẽ hai bạn đang ở trong cửa hàng bán sách vở, đồ dùng học tập.  Bạn trai nói: 5 chiếc bút giá 30 000 đồng.  Bạn gái hỏi: Giá tiền 1 chiếc bút là bao nhiêu?  - HS dự đoán kết quả: Một chiếc bút có giá là 6000 đồng.  - Em lấy 30 000 : 5 = 6000 (đồng)  - HS nhắc lại và viết bài vào vở. |
| 10’ | **2. Hoạt động hình thành kiến thức**  - GV yêu cầu HS đọc bài toán SGK/41.  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm 2: phân tích bài toán giống như 2 bạn ở trong sách.  - GV mời HS chia sẻ trước lớp.  \* GV nói: Như vậy muốn biết 8 chiếc bút phải trả bao nhiêu tiền thì chúng ta phải biết 1 chiếc bút giá bao nhiêu. Đi tìm giá của 1 chiếc bút được gọi là “Rút về đơn vị” Hay “tìm giá trị 1 phần”. Tìm số tiền phải trả cho 8 chiếc bút gọi là “tìm giá trị nhiều phần”  Đây là Bài toán liên quan đến rút về đơn vị. Khi giải bài toán, chúng ta thực hiện theo mấy bước?  - Yêu cầu HS nhắc lại cách giải bài toán.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 nêu ví dụ bài toán liên quan đến rút về đơn vị.  \*GV chốt: Hôm nay các em đã biết thêm một dạng toán đó là gì?  - Muốn giải bài toán liên quan đến rút về đơn vị chúng ta thực hiện theo mấy bước? Đó là những bước nào?  *Để giúp các em khắc sâu thêm cách giải bài toán liên quan đến rút về đơn vị, cô trò mình cùng đến với Bài tập 1.* | - 1 HS đọc.  - Nhóm 2 phân tích bài toán.  + Bài toán cho biết gì?  -> bài toán cho biết: cửa hàng bán 5 chiế bút chì giá 30 000 đồng  + Bài toán hỏi gì?  -> Bình muốn mua 8 chiếc bút chì như thế phải trả bao nhiêu tiền.  + Làm thế nào để biết được Bình phải trả bao nhiêu tiên?  -> Tính giá tiền 1 chiếc bút rồi tính số tiền 8 chiếc bút.  Bài giải:  Giá tiền 1 chiếc bút chì là:  30 000 : 5 = 6000 (đồng)  Mua 8 chiếc phải trả số tiền là:  6000 x 8 = 48 000 (đồng)  Đáp số: 8000 đồng  - 2 HS chia sẻ.  - HS lắng nghe.  - Thực hiện 2 bước:  + Bước 1: Tìm giá trị 1 phần (thực hiện phép chia.  + Bước 2: Tìm giá trị nhiều phần (thực hiện phép nhân)  - HS nhắc lại.  - Nhóm 2 nêu ví dụ cho nhau nghe.  (3 nhóm có 12 người. Hỏi 4 nhóm có bao nhiêu người)  (5 can chứa 10 lít nước. Hỏi 6 can chứa bao nhiêu lít nước)  - Bài toán liên quan đến rút về đơn vị.  - Thực hiện 2 bước:  + Bước 1: Tìm giá trị 1 phần (thực hiện phép chia.  + Bước 2: Tìm giá trị nhiều phần (thực hiện phép nhân) |
| 17’ | **3. Hoạt động thực hành - luyện tập**   * ***Bài 1:***   -Yêu cầu HS đọc bài 1a.  - Yêu cầu 2 HS phân tích bài toán.  - Yêu cầu JS làm bài cá nhân vào vở BTT - trao đổi nhóm 3 - chia sẻ trước lớp ( 1 HS làm bảng phụ).  - GV nhận xét.  - Yêu cầu HS đọc bài 1b.  - Yêu cầu 2 HS phân tích bài toán.  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở BTT - trao đổi nhóm 2 - chia sẻ trước lớp (1 HS làm bảng phụ).  - GV nhận xét.  + Em có nhận xét gì về ý a và b trong bài tập 1?  + Tại sao em không lấy 16 000 đồng x 1 mà lấy 16 000 đồng x 5?  \* GV chốt: Bài tập 1 giúp em củng cố lại kiến thức nào đã học?  - Em hãy nhắc lại cách giải Bài toán liên quan đến rút về đơn vị. | - HS đọc bài.  - 2 HS phân tích trước lớp.  - Cá nhân làm bài vào vở BTT  - nhóm 2 trao đổi, sửa sai cho nhau nếu có.  - 1 HS chia sẻ bài trước lớp. Mời các bạn nhận xét.  Bài giải:  Mua 1 hộp sữa chua hết số tiền là:  32 000 : 4 = 8000 (đồng)  Mua 6 hộp sữ chua hết số tiền là:  8000 x 6 = 48 000 (đồng)  Đáp số: 48 000 đồng  -HS đọc bài.  - 2 HS phân tích trước lớp.  - Cá nhân làm bài vào vở BTT  - nhóm 2 trao đổi, sửa sai cho nhau nếu có.  - 1 HS chia sẻ bài trước lớp. Mời các bạn nhận xét.  Bài giải:  Một kg dưa hấu có giá tiền là:  48 000 : 3 = 16 000 (đồng)  Mua 1 quả dưa hấu nặng 5kg hết số tiền là:  16 000 x 5 = 80 000 (đông)  Đáp số: 80 000 đồng  -Ý b khác ý a ở chỗ bài toán hỏi mua 1 quả dưa hấu hết bao nhiêu tiền.  - Vì 16 000 đ là giá tiền của 1kg dưa không phải 1 quả dưa.  - Giải Bài toán liên quan đến rút về đơn vị.  - HS nhắc lại. |
| 3’ | **3. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  **-** GV nhận xét tiết học.  - Dặn dò HS về nhà chuẩn bị bài: Bài toán Rút về đơn vị ( tiết 2). | - HS lắng nghe và làm theo hướng dẫn. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 10**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ**

**BÀI 3: THIÊN NHIÊN VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ (TT)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Tự đọc thông tin, quan sát tranh, xem video tự đưa được ra phương án giải quyết các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đưa ra được lời khuyên phù hợp để bảo đảm sức khỏe và phòng chống thiên tai.

1. **Năng lực đặc thù**

* Nhận thức khoa học LS&ĐL:Xác định được vị trí địa lí, một số địa danh trên lược đồ. Xác định được một số địa danh tiêu biểu (ví dụ: dãy núi Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan-xi-păng, cánh cung Sông Gâm, cao nguyên Mộc Châu, cao nguyên Sơn La...) của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.
* Tìm hiểu LS&ĐL:Quan sát lược đồ, tranh ảnh, mô tả được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi,...) của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
* Vận dụng kiến thức, kĩ năng: Nêu được một cách đơn giản ảnh hưởng của vị trí địa lí, địa hình, khí hậu, sông ngòi đối với đời sống và sản xuất của người dân ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
* Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

1. **Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Thực hiện nhiệm vụ học tập được giao và luôn tự giác tìm hiểu, khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.
* Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam khổ to, in sẵn khổ A0 dùng cho các nhóm, bút màu.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 5’ | **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn” trả lời 3 câu hỏi:  + Câu 1: Con sông nào dưới đây không có ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?  A. Sông Hồng  B. Sông Đà  C. Sông Hương  D. Sông Lô  + Câu 2: Cây trồng nào dưới đây không thích hợp với thời tiết lạnh ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?  A. Đào, lê, mận  B. Mãng cầu, sầu riêng  C. Bắp cải, su su  D. Hồi, quả thảo  + Câu 3: Những biện pháp nào dưới đây được sử dụng để phát huy những thuận lợi về thiên nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?  A. Phát triển nhiều loại cây trồng  B. Chăn nuôi gia súc trên các cao nguyên  C. Phát triển du lịch và thuỷ điện  D. Tất cả các ý trên đều đúng  - GV nhận xét và giới thiệu bài mới. | - HS tham gia trò chơi:  + Câu 1: C  + Câu 2: B  + Câu 3: D  - HS lắng nghe, theo dõi. |
| 23’ | **2. Hoạt động luyện tập**  ***2.1. Câu hỏi 1:***  - GV yêu cầu HS đọc câu hỏi.  - GV phát phiếu in sẵn Bản đồ tự nhiên khổ A0, yêu cầu HS quan sát, dùng bút màu đánh dấu vị trí các địa điểm hình 4, 5, 6 trên Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam.  - Yêu cầu HS đổi chéo kiểm tra bài làm.  - GV mời 2 - 3 HS lên bảng chỉ.  - GV nhận xét, chốt đáp án kết hợp trình chiếu minh hoạ.  ***2.2. Câu hỏi 2:***  - GV tổ chức cho HS thảo luận theo “kĩ thuật mảnh ghép”.  + Lượt 1: Nhóm chuyên gia  GV chia lớp thành 3 nhóm tương ứng với 3 tổ, mỗi tổ thực hiện một đặc điểm thiên nhiên để hoàn thành nhiệm vụ: đặc điểm về địa hình, khí hậu, sông ngòi. (Dùng vòng quay chiếc nón kì diệu để phân chia nhiệm vụ).  + Lượt 2: Nhóm mới  GV đánh số ghép lần lượt 2 HS ở nhóm chuyên gia ở 3 tổ vào nhóm 6 mới. Các chuyên gia chia sẻ với các bạn trong nhóm, sản phẩm chung trình bày xung quanh lớp.  - GV nhận xét, khen cá nhân, nhóm có hoạt động tích cực, có câu trả lời đúng và sáng tạo.  - GV chốt kiến thức. | - 1 HS đọc, cả lớp đọc thầm.  - Cá nhân hoàn thành.  - 2 HS cùng bàn đổi chéo phiếu kiểm tra, báo cáo kết quả.  - 2 - 3 HS lên bảng chỉ.  - HS lắng nghe.  - Mỗi HS suy nghĩ trình bày kết quả thảo luận, sau đó thống nhất kết quả và ghi vào phiếu của nhóm mình.  - Lần lượt các chuyên gia chia sẻ kết quả của nhóm mình với các bạn trong nhóm.  - Cả nhóm tập hợp thông tin, dán hoặc viết vào một tờ giấy khổ to trình bày dạng sơ đồ như SGK hoặc sơ đồ tư duy.  - Tham quan các nhóm khác.  - HS lắng nghe, quan sát. |
| 5’ | **3. Hoạt động vận dụng**  - GV yêu cầu HS cùng bàn kiểm tra, lớp phó học tập báo cáo phần thực hiện ở nhà của các bạn trong lớp.  - GV yêu cầu HS chia sẻ với nhau trong nhóm 4.  - Mời đại diện một số nhóm trình bày kết quả trước lớp.  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  - GV mở rộng: Chiếu video/hình ảnh thực tế kết hợp giáo dục HS. | - 2 HS cùng bàn kiểm tra chéo.  - HS thảo luận nhóm 4.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả:  + Nhiệm vụ 1:  Bạn Lan cần chuẩn bị quần áo ấm, tất, khăn, mũ len,…vì thời điểm đó ở Sa Pa là mùa đông rất lạnh.  + Nhiệm vụ 2: Những rủi ro như nhà bị xiêu vẹo, hư hỏng hoặc đổ nát, người bị thương hoặc chết nếu không thoát ra khỏi nhà kịp thời.  Biện pháp: Không xây dựng nhà cửa ở khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở đất…  - HS lắng nghe.  - HS quan sát, lắng nghe. |
| 3’ | **4. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - Hướng dẫn HS hoàn thiện sản phẩm cho dự án về từng miền.  - Dặn dò HS chuẩn bị bài tiếp theo. | - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

**Tiết: 12**

**KẾ HOẠCH SINH HOẠT CHỦ NHIỆM**

**CHỦ ĐỀ 2: NIỀM TỰ HÀO CỦA EM**

**TUẦN 5: TRÒ CHƠI CHUYẾN XE KÌ THÚ**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ, tự học: Biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

1. **Năng lực đặc thù**

* HS biết thực hiện tốt các nề nếp.
* Biết được ưu khuyết điểm của cá nhân và tổ.
* Biết nhận khuyết điểm và sửa lỗi.
* Giới thiệu được đặc điểm, những việc làm đáng tự hào của bản thân trước lớp*.*

1. **Phẩm chất**

* Tự tin, trách nhiệm: tự tin thể hiện niềm tự hào của bản thân, có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Giáo viên: Bảng tổng kết và phương hướng tuần tới, xúc xắc, các quân chơi và sơ đồ chơi trong SGK/18.
* Học sinh: Báo cáo sơ kết tuần 5 của ban cán sự lớp.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 3’  10’  10’ | **1. Khởi động**  - GV cho HS hát 1 bài hát.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **Hoạt động 1. Tổng kết hoạt động tuần 5 và phương hướng hoạt động tuần 6**   1. ***Sơ kết tuần 5***   - GV mời lớp trưởng điều khiển lớp sơ kết các mặt thi đua trong tuần 5:  + *Chuyên cần:* Đi học đầy đủ, vắng, đi học trễ; nói chuyện nhiều trong giờ học; phát biểu nhiều trong giờ học…  + *Kỉ luật, nề nếp:* Giữ trật tự trong giờ học; làm việc riêng trong giờ học; ra khỏi chỗ trong giờ học…  + *Học tập:* Hoàn thành tốt các bài tập trên lớp và luyện tập tại nhà; biết đặt các câu hỏi liên quan đến bài học; biết trao đổi, thảo luận, làm việc cá nhân, nhóm, tổ, lớp.  + *Vệ sinh:* Giữ vệ sinh cá nhân, tại chỗ ngồi, ở lớp, trường học; biết nhặt rác đúng nơi quy định; không vẽ bậy lên bàn học, tường.  + *Các phong trào do trường tổ chức:* Tích cực tham gia các hoạt động, phong trào do trường tổ chức.  - GV kết luận, nhận xét đánh giá kết quả đạt được trong tuần 5; tuyên dương tổ, cá nhân xuất sắc.  - GV mời HS chưa thực hiện tốt nhận lỗi và đưa ra biện pháp khắc phục, đồng thời GV nhắc nhở các em thực hiện tốt.  - GV nhận xét lớp, tuyên dương, khen thưởng các bạn đạt được điểm cao nhất tuần, nhắc nhở, động viên các bạn chưa tốt, hoàn thiện về các mặt.   1. ***Phương hướng tuần 6***   - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4 trong vòng 3 phút để đưa ra phương hướng hoạt động tuần 6 (GV phát phiếu thảo luận và bảng phụ cho các nhóm).  **-** Mời đại diện nhóm ghi trên bảng phụ trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **-** GV chốt lại các phương hướng của HS thành kế hoạch.  **-** GV đính kế hoạch lên bảng, mời một số HS đọc lại.  **-** GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi trong 1 phút để đưa ra các biện pháp thực hiện và khắc phục những tồn tại của tuần trước.  **-** Mời đại diện một số nhóm nêu ý kiến.  **-** GV tổng kết, chốt lại.  **Hoạt động 2. Trò chơi *Chuyến xe kì thú***  - GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm:  + GV chia lớp thành các nhóm.  + GV chuẩn bị cho mỗi nhóm: xúc xắc, các quân chơi và sơ đồ chơi trong SGK/18  + GV giới thiệu cho HS trò chơi *Chuyến xe kì thú* và phổ biến luật chơi:   * Từng bạn trong nhóm gieo xúc xắc và di chuyển số ô bằng số chấm trên xúc xắc. * Thực hiện yêu cầu trên ô tương ứng bằng hành động hoặc mô tả cụ thể. * Người về đích đầu tiên là người thắng cuộc.   - GV hướng dẫn làm việc cả lớp:  + GV tổ chức các nhóm cùng chơi *Chuyến xe kì thú*.  + GV mời một số HS chia sẻ cảm xúc sau khi tham gia trò chơi.  - GV kết luận: *Chúng ta đã thực hiện xong trò chơi Chuyến xe kì thú. Trò chơi giúp chúng ta có cơ hội mạnh dạn thể hiện đặc điểm tự hào của bản thân mình.*  **3. Hoạt động củng cố - nối tiếp**  - GV dặn dò HS viết bức thư tham gia cuộc thi *Viết thư cho tương lai.* | - HS hát 1 bài.  - Lớp trưởng điều khiển:  + *Các tổ thảo luận, sơ kết trong vòng 3 phút.*  *+ Mời các tổ trưởng báo cáo.*  *+ Mời ý kiến của các bạn tổ viên.*  *+ Các lớp phó nhận xét các mặt mình phụ trách.*  *+ Lớp trưởng có ý kiến và tổng kết, bình chọn tổ và cá nhân xuất sắc tuần 5.*  - HS tuyên dương, vỗ tay khen thưởng cho các bạn có kết quả cao trong tuần; lắng nghe GV nhận xét.  - Cá nhân vi phạm nhận lỗi và đưa ra biện pháp khắc phục.  - HS lắng nghe.  - HS thảo luận nhóm 4 thực hiện yêu cầu của GV.  - HS thực hiện.  - HS lắng nghe.  - Một số HS đọc bảng kế hoạch tuần mới, các HS còn lại lắng nghe và theo dõi.  - HS thảo luận nhóm đôi thực hiện yêu cầu của GV.  - HS nêu ý kiến.  - HS lắng nghe.  - HS hoạt động theo nhóm.  - HS về nhóm theo hướng dẫn của GV.  - HS nhận dụng cụ từ GV.  - HS lắng nghe.  - HS tham gia.  - HS chia sẻ cảm xúc của bản thân.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………..